

Kinh tụng Pāli

Ni sư Liễu Pháp tụng và thu âm
Ni viện Viên Không, Bà Rịa Vũng Tàu

BẢN SƠ THẢO

Phiên bản: 6/09/2019 7:14 AM

Giới thiệu: Tập kinh Pāli này được soạn ra để giúp người đọc tiện theo dõi các bài kinh tụng bằng tiếng Pāli của Ni sư Liễu Pháp. Chúng tôi có thêm phần dịch nghĩa tiếng Việt để tham khảo đối chiếu. Tuy nhiên, độc giả cần phải tham khảo các tập kinh tụng phổ biến tại các chùa Phật giáo Nam truyền để biết thêm ý nghĩa và các chi tiết khác.

*Bình Anson
Perth, Tây Úc, tháng 9-2019.*

Tham khảo

- Kinh tụng Nam tông Pāli-Việt, <https://tuniemxu.org>
- Hòa thượng Hộ Tông (2005). Kinh tụng.
- Tỳ-khưu Giới Đức (2014). Kinh tụng Pāli-Việt.
- Tỳ-khưu Siêu Minh (2013). Kinh Nhật tụng Phật giáo Nguyên thủy.
- Tỳ-khưu Tăng Định (2004). Kinh Nhật tụng - Cư sĩ.
- Vô Môn Thiên tự (2014). Kinh tụng Pāli-Việt.
- Amaravati Buddhist Monastery (2015). Chanting Book.
- Dhammarato, Bhikkhu. The Complete Book of Pāli Chanting.
- Metta Forest Monastery (2017). A Chanting Guide.
- Samantha Trust (2014). Chanting Book.
- Tan, C. (2012). A Comprehensive Manual of Traditional Thai Pāli Chanting.

MỤC LỤC

01. Thỉnh chư thiên 00:10	7
02. Dâng hương 01:17	8
03. Lễ Phật 01:48.....	8
04. Tán dương Phật 02:19	9
05. Lễ Tam thế Phật 02:49	9
06. Ân đức Phật 03:08.....	10
07. Quy y Phật bảo 03:38.....	10
08. Sám hối Phật bảo 03:57	11
09. Lễ bái Pháp bảo 04:21	11
10. Lễ Tam thế Pháp 04:47	12
11. Ân đức Pháp bảo 05:09	12
12. Quy y Pháp bảo 05:34.....	12
13. Sám hối Pháp bảo 05:54.....	13
14. Lễ bái Tăng bảo 06:17.....	13
15. Lễ Tam thế Tăng 06:42	14
16. Ân đức Tăng bảo 07:04	14

17. Quy y Tăng bảo 08:04	15
18. Sám hối Tăng bảo 08:25	15
19. Lễ bái Xá lợi 08:47.....	16
20. Lễ bái Chư Phật 09:14	16
21. Phép thọ trì Tam quy và Ngũ giới 11:28	18
22. Phép thọ Bát quan trai giới 14:49.....	20
23. Rải tâm Từ 19:16	24
24. Hồi hướng chúng sinh 21:58.....	26
25. Kệ hồi hướng đến Chư Thiên 23:16	27
26. Hồi hướng phước đến thân quyến 25:14	29
27. Kinh Từ bi 26:02	30
28. Kệ Phật lực thắng hạnh 29:27.....	32
29. Kinh Điem lành (Hạnh phúc) 33:24.....	37
30. Kinh Tam bảo 37:27.....	41
31. Kệ Hộ trì tối thắng 46:41	51
32. Kệ Hộ trì vô úy 48:18.....	53
33. Kệ Hộ trì Ātānātiya 50:29.....	55
34. Kệ Châu báu 51:45	56
35. Các kệ động tâm 52:33	57
36. Ba mươi pháp ba la mật 57:21	62

37. Thập nhị duyên khởi	01:01:20	65
38. Mẫu đề tam	01:04:20	67
39. Kinh Chuyển Pháp luân	01:10:02	72
40. Kệ bố cáo cho thí chủ hoan hỷ	01:20:35	83
41. Kệ Điềm lành vũ trụ	01:22:00	85
42. Kệ hồi hướng quả báo đến nga quý	01:24:15	87
43. Kệ chúc phúc	01:25:31	88

Bhavatu sabba maṅgalaṃ
Rakkhantu sabba devatā
Sabba Buddh'ānubhāvena
Sadā sotthi bhavantu te.

*Tất cả hạnh phúc hằng có đến người, cầu xin
Chư Thiên hộ trì đến người. Do nhờ oai đức của
Chư Phật, các sự thịnh lợi thường thường đến
người.*

Bhavatu sabba maṅgalaṃ
Rakkhantu sabba devatā
Sabba Dhamm'ānubhāvena
Sadā sotthi bhavantu te.

*Tất cả hạnh phúc hằng có đến người, cầu xin
Chư Thiên hộ trì đến người. Do nhờ oai đức của
Giáo Pháp, các sự thịnh lợi thường thường đến
người.*

Bhavatu sabba maṅgalaṃ
Rakkhantu sabba devatā
Sabba Saṅgh'ānubhāvena
Sadā sotthi bhavantu te.

*Tất cả hạnh phúc hằng có đến người, cầu xin
Chư Thiên hộ trì đến người. Do nhờ oai đức của
Chư Tăng, các sự thịnh lợi thường thường đến
người.*

1. THỈNH CHƯ THIÊN (00:10-01:14)
ĀRĀDHANĀ DEVATĀ

Sagge kāme ca rūpe giri-sikhara-taṭṭe
c'antalikkhe vimāne,
Dīpe raṭṭhe ca gāme taru-vana-gahane geha-
vatthumhi khette
Bhummā c'āyantu devā jala-thala-visame
yakkha-gandhabba-nāgā.
Titt̐hantā santike yaṃ muni-vara-vacanam
sādhavo me suṇantu.

Dhamma-ssavanakālo ayam bhadantā.
Dhamma-ssavanakālo ayam bhadantā.
Dhamma-ssavanakālo ayam bhadantā.

*Xin thỉnh Chư Thiên ngự trên cõi trời Đục giới
cùng Sắc giới; Chư Thiên ngự trên đỉnh núi, núi
không liền, hoặc nơi hư không; ngự nơi cồn bãi,
đất liền; hoặc các châu quận; ngự trên cây cối
rừng rậm hoặc ruộng vườn; Chư Dạ Xoa, Càn
Thát Bà, cùng Long Vương dưới nước trên bờ,
hoặc nơi không bằng phẳng gần đây, xin thỉnh hội
hợp lại đây. Lời nào là kim ngôn cao thượng của
Đức Thích Ca Mâu Ni mà chúng con tụng đây,
xin các bậc Hiền Triết nên nghe lời ấy.*

*Xin các ngài đạo đức, giờ này là giờ nên nghe
Pháp Bảo. (3 lần)*

2. DÂNG HƯƠNG (01:17-01:47)
RATANATTAYAPŪJĀ

Imehi dīpa-dhūp'ādi sakkārehi Buddhamaṃ
Dhammaṃ Saṅghamaṃ
abhipūjayāmi mātā-pit'ādīnaṃ
guṇavantānañca mayhañca
dīgharattaṃ atthāya hitāya sukhāya.

*Con xin dâng các lễ vật này, nhất là nhang đèn để
cúng Phật, Pháp, Tăng Tam Bảo, ngưỡng cầu cho
các bậc ân nhân, nhất là cha mẹ con và con đều
được sự tấn hóa, sự lợi ích, sự bình an lâu dài.*

3. LỄ PHẬT (01:48-02:18)
BUDDHA RATANAPANĀMA

Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammā
Sambuddhassa.
Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammā
Sambuddhassa.
Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammā
Sambuddhassa.

*Con đem hết lòng thành kính làm lễ đức Phá-gá-
va (Thế Tôn) đó, Ngài là bậc Á-rá-han (Ứng
Cúng) cao thượng, được chứng quả Chánh Biến
Tri, do Ngài tự ngộ, không thầy chỉ dạy. (3 lần)*

4. TÁN DƯƠNG PHẬT (02:19-02:48)

Yo sannisinno vara-bodhi-mūle
Māraṃ sasenam mahatiṃ vijeyyo
Sambodhim' āgacchi ananta ñāṇo
Lok'uttamo taṃ paṇamāmi Buddhamaṃ.

*Đức Phật tham thiên về số tức quan, ngồi trên Bồ
đoàn, dưới gốc cây Bồ Đề quý báu và đắc thắng
toàn bọn Ma Vương, mà thành bậc Chánh Đẳng
Chánh Giác. Ngài là bậc tối thượng hơn cả chúng
sinh, con đem hết lòng thành kính mà làm lễ
Ngài.*

5. LỄ TAM THẾ PHẬT (02:49-03:07)

Ye ca Buddhā atitā ca
Ye ca Buddhā anāgatā
Paccuppannā ca ye Buddhā
Ahaṃ vandāmi sabbadā.

*Chư Phật đã thành Chánh Giác trong kiếp quá
khứ. Chư Phật sẽ thành Chánh Giác trong kiếp
lại. Chư Phật đang thành Chánh Giác trong kiếp
hiện tại này. Con đem hết lòng thành kính mà
làm lễ Chư Phật trong tam thế ấy.*

6. ÂN ĐỨC PHẬT (03:08-03:37)

BUDDHA GUṆA

Iti'pi so Bhagavā: Arahaṃ, Sammā
Sambuddho, Vijjā-Caraṇa-Sampanṇo, Sugato,
Lokavidū, Anuttaro, Purisa-damma-sārathi,
Satthā-devamanussānaṃ, Buddho,
Bhagavā'ti.

*Đây là Đức Thế Tôn, bậc Ứng Cúng, Chánh Biến
Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải,
Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên
Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.*

7. QUY Y PHẬT BẢO (03:38-03:56)

BUDDHA ATTAPAṬIÑÑĀ

N'atthi me saraṇaṃ aññaṃ
Buddho me saraṇaṃ varaṃ
Etena sacca-vajjena
Hotu me jaya-maṅgalaṃ.

*Chẳng có chi đáng cho con phải nương theo. Chỉ
có Đức Phật là quý báu. Nên con phải hết lòng
thành kính mà nương theo. Đặt cầu sự an lạc
đến cho con, y như lời chân thật này.*

8. SÁM HỐI PHẬT BẢO (03:57-04:20)
BUDDHA KHAMĀPANA

Uttam'āṅgena vande'haṃ
Pāda-paṃsum var'uttamaṃ
Buddhe yo khalito doso
Buddho khamatu taṃ mamaṃ.

*Con đem hết lòng thành kính cúi đầu làm lễ vi
trần dưới chân Đức Phật. Là Đấng Chí Tôn Chí
Thánh. Các tội lỗi mà con đã vô ý phạm đến Phật
Bảo. Cúi xin Phật Bảo xá tội lỗi ấy cho con.*

9. LỄ BÁI PHÁP BẢO (04:21-04:46)
DHAMMA RATANAPANĀMA

Aṭṭh'āṅgik'āriya-patho janānaṃ
Mokkha-ppavesāya ujū ca maggo
Dhammo ayaṃ santi-karo paṇīto
Niyāniko taṃ paṇamāmi Dhammaṃ.

*Các Pháp đúng theo đạo Bát Chánh, là con đường
đi của bậc Thánh Nhân, là con đường chánh, dẫn
người hữu trí nhập Niết-bàn được. Pháp Bảo là
Pháp trừ diệt các sự lao khổ và các điều phiền
nã, là Pháp chỉ dẫn chúng sinh thoát khỏi cái
khổ sinh tử luân hồi, con đem hết lòng thành kính
mà làm lễ Pháp ấy.*

10. LỄ TAM THẾ PHÁP (04:47-05:08)

Ye ca Dhammā atitā ca
Ye ca Dhammā anāgatā
Paccuppannā ca ye Dhammā
Ahaṃ vandāmi sabbadā.

Các Pháp của Chư Phật đã có trong kiếp quá khứ. Các Pháp của Chư Phật sẽ có trong kiếp vị lai. Các Pháp của Chư Phật đang giáo truyền trong kiếp hiện tại này. Con đem hết lòng thành kính mà làm lễ các Pháp trong tam thế ấy.

11. ÂN ĐỨC PHÁP BẢO (05:09-05:33)

DHAMMA GUṆA

Svākkhāto Bhagavatā Dhammo:
Sandiṭṭhiko, Akāliko, Ehipassiko, Opanayiko,
Paccattaṃ veditabbo viññūhīti.

Tam Tạng Pháp Bảo, Thế Tôn khéo giảng, thiết thực hiện tiền, vượt quá thời gian, hãy đến mà nghe, hướng thượng Niết Bàn, người có trí tuệ, tự mình liễu tri.

12. QUY Y PHÁP BẢO (05:34-05:53)

DHAMMA ATTAPAṬIÑÑĀ

N'atthi me saraṇaṃ aññaṃ
Dhammo me saraṇaṃ varam

Chẳng có chi đáng cho con phải nương theo. Chỉ có Pháp Bảo là quý báu. Nên con phải hết lòng

Etena sacca-vajjena
Hotu me jaya-maṅgalaṃ.

13. SÁM HỐI PHÁP BẢO (05:54-06:15)
DHAMMA KHAMĀPANA

Uttam'aṅgena vand'ehaṃ
Dhammañca du-vidhaṃ varaṃ
Dhamme yo khalito doso
Dhammo khamatu taṃ mamaṃ

14. LỄ BÁI TẶNG BẢO (06:17-06:41)
SAṄGHA RATANAPAṆĀMA

Saṅgho visuddho vara-dakkhineyyo
Sant'indriyo sabba mala-ppahīno
Guṇehi nekehi samiddhi-patto
Anāsavo taṃ paṇamāmi Saṅghaṃ.

*thành kính mà nương theo. Đặt cầu sự an lạc
đến cho con, y như lời chân thật này.*

*Con đem hết lòng thành kính, cúi đầu làm lễ hai
hạng Pháp Bảo là Pháp Học và Pháp Hành. Các
tội lỗi mà con đã vô ý phạm đến Pháp Bảo. Cúi
xin Pháp Bảo xá tội lỗi ấy cho con.*

*Chư Thánh Tăng đã được trong sạch quý báu là
bậc đáng cho người dâng lễ cúng dường, vì lục căn
của các Ngài đã thanh tịnh, lòng tham muốn đã
dứt trừ, là Tăng đã thoát ly trần tục, con xin hết
lòng thành kính mà làm lễ Chư Thánh Tăng ấy.*

15. LỄ TAM THẾ TĂNG (06:42-07:03)

Ye ca Saṅghā atītā ca
Ye ca Saṅghā anāgatā
Paccuppanā ca ye Saṅghā
Ahaṃ vandāmi sabbadā.

Chư Tăng đã đăc Đạo cùng Quả trong kiếp quá khứ. Chư Tăng sẽ đăc Đạo cùng Quả trong kiếp vị lai. Chư Tăng đang đăc Đạo cùng Quả trong kiếp hiện tại này. Con đem hết lòng thành kính mà làm lễ Chư Thánh Tăng trong tam thế ấy.

16. ÂN ĐỨC TĂNG BẢO (07:04-08:03) SAṄGHA GUṆA

Su-paṭipanno Bhagavato Sāvakaṅgho.
Uju-paṭipanno Bhagavato Sāvakaṅgho.
Ñāya-paṭipanno Bhagavato Sāvakaṅgho.
Sāmīci-paṭipanno Bhagavato Sāvakaṅgho.
Yad'idam cattāri purisa-yugāni.
Aṭṭha purisa-puggalā.
Esa Bhagavato Sāvakaṅgho:
Āhuṇeyyo, Pāhuṇeyyo, Dakkhiṇeyyo, Añjali-
karaṇīyo,

Chư Thanh văn đệ tử của Đức Thế Tôn là bậc thiện hạnh. Chư Thanh văn đệ tử của Đức Thế Tôn là bậc trực hạnh. Chư Thanh văn đệ tử của Đức Thế Tôn là bậc ứng lý hạnh. Chư Thanh văn đệ tử của Đức Thế Tôn là bậc hòa kính hạnh. Nghĩa là 4 đôi: Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, tức 8 chúng: Tu-đà-hoàn đạo, Tu-đà-hoàn quả, Tư-đà-hàm đạo, Tư-đà-hàm quả, A-na-hàm đạo, A-na-hàm quả, A-la-hán đạo, A-la-

Anuttaram puññakkhettaṃ lokassā' ti.

hán quả. Chư Thanh văn đó là bậc đáng kính, đáng tôn trọng, đáng cúng dường, đáng chấp tay lễ bái, bậc vô thương phước điền của thế gian.

17. QUY Y TĂNG BẢO (08:04-08:23)
SAṄGHA ATTAPATIÑÑĀ

N'atthi me saraṇaṃ aññaṃ
Saṅgho me saraṇaṃ varaṃ
Etena sacca-vajjena
Hotu me jaya-maṅgalaṃ

Chẳng có chi đáng cho con phải nương theo, chỉ có Đức Tăng là quý báu, nên con phải hết lòng thành kính mà nương theo, đặng cầu sự an lạc đến cho con, y như lời chân thật này.

18. SÁM HỐI TĂNG BẢO (08:25-08:44)
SAṄGHA KHAMĀPANA

Uttam'aṅgena vande'haṃ
Saṅghañ ca duvidh'ottamaṃ,
Saṅghe yo khalito doso
Saṅgho khamatu taṃ mamaṃ.

Con đem hết lòng thành kính, cúi đầu làm lễ hai bậc Tăng Bảo là Phạm Tăng và Thánh Tăng, các tội lỗi mà con đã vô ý phạm đến Tăng Bảo, cúi xin Tăng Bảo xá tội lỗi ấy cho con.

**19. LỄ BÁI XÁ LỢI, BẢO THÁP, CÂY BỒ
ĐỀ (08:47-09:11)
TIVIDHA CETIYA VANDANAGĀTHĀ**

Vandāmi cetiyaṃ sabbam
Sabba-tthānesu patitthitaṃ
Sārīrika-dhātu mahābodhiṃ
Buddha-rūpaṃ sakalaṃ sadā.

*Con xin thành kính làm lễ tất cả Bảo Tháp,
Ngọc Xá-Lợi, đại thọ Bồ Đề và Kim thân Phật
đã tạo thờ trong khắp mọi nơi. (3 lần)*

**20. LỄ BÁI CHƯ PHẬT (09:14-11:26)
SAMBUDDHE**

1- Sambuddhe aṭṭhavīsaṅ ca
dvādasaṅ ca saḥassake
pañcasatasahassāni
namāmi sirasā ahaṃ.
Tesaṃ dhammañca saṅghañca
ādarena namāmihaṃ
namakārānubhāvena
hantvā sabbe upaddave

*1- Con đem hết lòng thành kính, làm lễ 28 vị
Chánh biến tri, 12 ngàn vị Chánh biến tri và 500
ngàn vị Chánh biến tri. Con đem hết lòng thành
kính, làm lễ Pháp bảo và Tăng bảo của các vị
Chánh biến tri ấy. Do sự lễ bái cúng dường, xin
nhờ oai lực các bậc Chánh biến tri mà những điều
rủi ro và sự tai hại thấy đều diệt tận.*

anekā antarāyāpi
vinassantu asesato.

2- Sambuddhe pañca
paññāsañca
catuvīsa tisahassake
dasasatasahassāni
namāmi sirasā ahaṃ.
Tesaṃ dhammañca saṅghañca
ādarena namāmihaṃ
namakārānubhāvena
hantvā sabbe upaddave
anekā antarāyā pi
vinassantu asesato.

3- Sambuddhe navuttarasate
aṭṭhacattālisahassake
vīsatisatasahassāni
namāmi sirasā ahaṃ.
Tesaṃ dhammañca saṅghañca

*2- Con đem hết lòng thành kính làm lễ 55 vị
Chánh biến tri, 24 ngàn vị Chánh biến tri và 1
triệu vị Chánh biến tri. Con đem hết lòng thành
kính làm lễ Pháp bảo và Tăng bảo của các vị
Chánh biến tri ấy. Do sự lễ bái cúng dường, xin
nhờ oai lực các bậc Chánh biến tri mà những điều
rủi ro và sự tai hại thấy đều diệt tận.*

*3- Con đem hết lòng thành kính làm lễ 109 vị
Chánh biến tri, 48 ngàn vị Chánh biến tri và 2
triệu vị Chánh biến tri. Con đem hết lòng thành
kính làm lễ pháp bảo và Tăng bảo của các vị*

ādarena namāmihaṃ
namakārānubhāvena
hantvā sabbe upaddave
anekā antarāyā pi
vinassantu asesato.

21. PHÉP THỌ TRÌ TAM QUY VÀ NGŨ GIỚI (11:28- 14:46)

Ukāsa ahaṃ (mayam) bhante viṣuṃ viṣuṃ
rakkhanatthāya tisaraṇena saha pañca sīlāni
yācāmi (ma).
Dutiyampi ahaṃ (mayam) bhante viṣuṃ
viṣuṃ rakkhanatthāyā tisaraṇena saha pañca
sīlāni yācāmi (ma).
Tatiyampi ahaṃ (mayam) bhante viṣuṃ
viṣuṃ rakkhanatthāya tisaraṇena saha pañca
sīlāni yācāmi (ma).

*Chánh biến tri ấy. Do sự lễ bái cúng dường, xin
nhờ oai lực của bậc Chánh biến tri mà những điều
rủi ro và sự tai hại thấy đều diệt tận.*

*- Bạch ngài, con (chúng con) xin thọ trì Tam
Quy và Ngũ giới nơi Tam Bảo để dâng giữ và
hành theo cho được sự lợi ích.*
*- Bạch Ngài, con (chúng con) xin thọ trì Tam
Quy và Ngũ Giới nơi Tam Bảo để dâng giữ và
hành theo cho được sự lợi ích, lần thứ nhì.*
*- Bạch Ngài, con (chúng con) xin thọ trì Tam
Quy và Ngũ Giới nơi Tam Bảo để dâng giữ và
hành theo cho được sự lợi ích, lần thứ ba.*

Namo tassa bhagavato arahato sammā-sambuddhassa.

Namo tassa bhagavato arahato sammā-sambuddhassa.

Namo tassa bhagavato arahato sammā-sambuddhassa.

Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

Saṅghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

Dutiyampi Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

Dutiyampi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

Dutiyampi Saṅghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

Tatīyampi Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

Tatīyampi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

Tatīyampi Saṅghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

Con xin hết lòng thành kính làm lễ Đức Phá-gá-voa đó, Ngài là bậc Á-rá-hãng cao thượng được chứng quả Chánh Biến Tri do Ngài tự ngộ không thầy chỉ dạy. (3 lần)

Con đem hết lòng thành kính xin quy y Phật.

Con đem hết lòng thành kính xin quy y Pháp.

Con đem hết lòng thành kính xin quy y Tăng.

Con đem hết lòng thành kính xin quy y Phật, lần thứ nhì. Con đem hết lòng thành kính xin quy y Pháp, lần thứ nhì. Con đem hết lòng thành kính xin quy y Tăng lần thứ nhì.

Con đem hết lòng thành kính xin quy y Phật, lần thứ ba. Con đem hết lòng thành kính xin quy y

1. Pāṇātipātā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.
2. Adinnādānā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.
3. Kāmesu micchācārā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.
4. Musāvādā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.
5. Surā-meraya-majja-ppamādatthānā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.

22. PHÉP THỌ BÁT QUAN TRAI GIỚI (14:49-19:15)

Ukāsa ahaṃ (mayam) bhante viṣuṃ viṣuṃ rakkhanatthāya tisaṇaṇena saha aṭṭhaṇ-gasamannā-gataṃ uposathaṃ yācāmi (ma).

Pháp, lần thứ ba. Con đem hết lòng thành kính xin quy y Tăng lần thứ ba.

1. Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự sát sinh.
2. Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự trộm cắp.
3. Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự tà dâm.
4. Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự nói dối.
5. Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự để vui uống rượu và các chất say.

- Bạch Ngài con (chúng con) xin thọ trì Tam quy và Bát Quan Trai Giới để vâng giữ hành theo cho được sự lợi ích.

Dutiyampi ahaṃ (mayam) bhante viṣuṃ
viṣuṃ rakkhanatthāya tisaṇaṇena saha
atthaṇ-gasamannā-gaṭam uposathaṃ yācāmi
(ma).

Tatīyampi ahaṃ (mayam) bhante viṣuṃ
viṣuṃ rakkhanatthāya tisaṇaṇena saha
atthaṇ-gasamannā-gaṭam uposathaṃ yācāmi
(ma).

Namo tassa bhagavato arahato sammā-
sambuddhassa.

Namo tassa bhagavato arahato sammā-
sambuddhassa.

Namo tassa bhagavato arahato sammā-
sambuddhassa.

Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Sanghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

- Bạch Ngài con (chúng con) xin thọ trì Tam quy
và Bát Quan Trai Giới để vâng giữ hành theo cho
được sự lợi ích, lần thứ nhì.

- Bạch Ngài con (chúng con) xin thọ trì Tam quy
và Bát Quan Trai Giới để vâng giữ hành theo cho
được sự lợi, ích lần thứ ba.

*Con xin hết lòng thành kính làm lễ Đức Phá-gá-
voa đó, Ngài là bậc Á-rá-hãng cao thượng được
chúng quẻ Chánh Biến Tri do Ngài tự ngộ không
thấy chỉ dạy. (3 lần)*

*Con đem hết lòng thành kính xin quy y Phật.
Con đem hết lòng thành kính xin quy y Pháp.
Con đem hết lòng thành kính xin quy y Tăng.*

Dutiyampi Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Dutiyampi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Dutiyampi Sanghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

Tatīyampi Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Tatīyampi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.
Tatīyampi Sanghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

1. Pāṇātipātā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.
2. Adinnādānā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.
3. Abrahma-cariyā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.
4. Musāvādā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.
5. Surā-meraya-majjap-pamādatthānā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.

Con đem hết lòng thành kính xin quy y Phật, lần thứ nhì. Con đem hết lòng thành kính xin quy y Pháp, lần thứ nhì. Con đem hết lòng thành kính xin quy y Tăng lần thứ nhì.

Con đem hết lòng thành kính xin quy y Phật, lần thứ ba. Con đem hết lòng thành kính xin quy y Pháp, lần thứ ba. Con đem hết lòng thành kính xin quy y Tăng lần thứ ba.

1. Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự sát sinh.
2. Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự trộm cắp.
3. Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự hành dâm.
4. Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự nói dối.
5. Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự để vui uống rượu và các chất say.

6. Vikāla-bhojanā veramaṇī sikkhāpadam samādiyāmi.

7. Nacca-gīta-vādita-visūka-dassanā mālā-gandha-vilepana-dhāraṇa-maṇḍana-vibhūsanatthānā veramaṇī sikkhāpadam samādiyāmi.

8. Uccāsayana-mahāsayanā veramaṇī sikkhāpadam samādiyāmi.

Imaṃ atthangasamannāgatam buddhappaññattam uposatham imaṅca rattim imaṅca divasaṃ sammadeva abhirakkhitum samādiyāmi.

6. Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự ăn sái giờ.

7. Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự múa hát, thổi kèn, đàn, xem múa hát, nghe đàn, kèn, trang điểm thoa vật thơm, đổi phấn và đeo tràng hoa.

8. Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự nằm ngồi nơi quá cao và xinh đẹp.

Con xin thọ trì Bát Quan Trai Giới trọn đủ tám điều của Đức Phật đã giáo truyền, hầu vâng giữ hành theo cho được trong sạch trọn ngày nay và đêm nay, mong cầu gieo được giống lành để thấy rõ Níp-bàn trong ngày vị lai.

23. RÁI TÂM TỪ (19:16-21:56)
SABBADISASU METTĀPHARANAM

Sabbe puratthimāya disāya sattā averā sukhī hontu.

Sabbe puratthimāya anudisāya sattā averā sukhī hontu.

Sabbe dakkhiṇāya disāya sattā averā sukhī hontu.

Sabbe dakkhiṇāya anudisāya sattā averā sukhī hontu.

Sabbe pacchimāya disāya sattā averā sukhī hontu.

Sabbe pacchimāya anudisāya sattā averā sukhī hontu.

Sabbe uttarāya disāya sattā averā sukhī hontu.

Sabbe uttarāya anudisāya sattā averā sukhī hontu.

Nguyện cho tất cả chúng sinh trong hướng đông, đừng có oan trái lẫn nhau, hãy cho được sự yên vui.

Nguyện cho tất cả chúng sinh trong hướng đông nam, đừng có oan trái lẫn nhau, hãy cho được sự yên vui.

Nguyện cho tất cả chúng sinh trong hướng nam, đừng có oan trái lẫn nhau, hãy cho được sự yên vui.

Nguyện cho tất cả chúng sinh trong hướng tây nam, đừng có oan trái lẫn nhau, hãy cho được sự yên vui.

Nguyện cho tất cả chúng sinh trong hướng tây, đừng có oan trái lẫn nhau, hãy cho được sự yên vui.

Sabbe uparimāya disāya sattā averā sukhī hontu.

Sabbe hetthimāya disāya sattā averā sukhī hontu.

Sabbe sattā averā hontu, sukhita hontu, niddukkhā hontu, abyāpajjhā hontu, anīghā hontu, dīghāyukā hontu, arogā hontu, sampatthīhi samijjhantu sukhī attānam pariharantu, dukkhappattā ca niddukkhā, bhayappattā ca nibbhayā, sokappattā ca nissokā hontu sabbepi pāṇino.

Nguyện cho tất cả chúng sinh trong hướng tây bắc, đừng có oan trái lẫn nhau, hãy cho được sự yên vui.

Nguyện cho tất cả chúng sinh trong hướng bắc, đừng có oan trái lẫn nhau, hãy cho được sự yên vui.

Nguyện cho tất cả chúng sinh trong hướng đông bắc, đừng có oan trái lẫn nhau, hãy cho được sự yên vui.

Nguyện cho tất cả chúng sinh trong hướng trên, đừng có oan trái lẫn nhau, hãy cho được sự yên vui.

Nguyện cho tất cả chúng sinh trong hướng dưới, đừng có oan trái lẫn nhau, hãy cho được sự yên vui.

Nguyện cho tất cả chúng sinh đừng có oan trái lẫn nhau, hãy cho được sự yên vui, đừng có khổ, đừng làm lại lẫn nhau, đừng hẹp lượng, hãy cho được sống lâu, đừng có bệnh hoạn, hãy cho được thành tựu đầy đủ, hãy giữ mình cho được sự yên

vui. Tất cả chúng sinh đến khổ rồi, xin đừng cho có khổ, đến sự kinh sợ rồi, xin đừng cho có kinh sợ, đến sự thương tiếc rồi xin đừng cho thương tiếc.

24. HỒI HƯỚNG CHÚNG SINH (21:58-23:13)

TILOKAVIJAYARĀJAPATTIDĀNA GĀTHĀ

Yaṃ kiñci kusalaṃ kammaṃ
Kattabbaṃ kiriyaṃ mama
Kāyena vācāmanasā
Tidase sugataṃ kataṃ
Ye sattā saññino atthi
Ye ca sattā asaññino
Kataṃ puññaphalaṃ mayhaṃ
Sabbe bhāgī bhavantu te
Ye taṃ kataṃ suviditaṃ
Dinnaṃ puññaphalaṃ mayā
Ye ca tattha na jānanti

*Phước căn con đã tạo thành,
Do thân, khẩu, ý tu hành gieo nên.
Đều là phước báo vững bền,
Có thể tiếp chúng độ lên thiên đàng.
Cung trời Đạo Lợi thọ nhàn,
Chúng sinh hữu tướng nhân gian Sa bà.
Chư Thiên, Phạm Thiên cùng là,
Bậc trời Vô Tướng được mà hưởng an.
Phước con hồi hướng dâng ban,
Chúng sinh hay biết hoàn toàn lãnh thâu.
Bằng ai chưa rõ lời cầu,*

Devā gantvā nivedayam
Sabbe lokamhi ye sattā
Jīvantāhārahetukā
Manuññaṃ bhojanam
Sabbe labhantu mama cetasāti

*Xin cùng Thiên chúng đến hầu mách ngay.
Có người làm phước được rày,
Lại đem hồi hướng hiện nay khắp cùng.
Chúng sinh hoan hỷ lãnh chung,
Hưởng được phước quý ung dung thanh nhàn.
Chúng sinh thế giới các hàng,
Bởi nhờ thọ thực sinh an mạng trường.
Xin thấu phước báu cúng dường,
Hoá thành thực phẩm mùi hương thoả lòng.*

25. KỆ HỒI HƯỚNG ĐẾN CHƯ THIÊN (23:16-25:12) - PAṬIDĀNA GĀTHĀ

1. Yā Devatā santi-vihāra-vāsini
Thūpe ghare bodhi ghare tahiṃ tahiṃ
Tā Dhamma-dānena bhavantu pūjitā
Sotthiṃ karonte'dha vihāra-maṇḍale.
2. Therā ca majjhā navakā ca bhikkhavo
Sārāmikā dānapatī upāsakā

*Ngưỡng cầu các đấng chư thiên
Trong vòng tịnh xá ngự yên hằng ngày
Ngự nơi đền tháp xưa nay
Những nơi biệt thất nơi cây Bồ đề
Chúng con xin hội họp về
Sẽ dùng pháp thí tiện bề cúng dâng
Rồi xin hộ độ chư Tăng*

Gāmā ca desā nigamā ca issarā
Sappāna bhūtā sukhitā bhavantu te

3. Jalābujā ye'pi ca aṇḍa-sambhavā
Samsedajā tā atha v'opapātikā
Niyānikam Dhamma-varam paṭicca te
Sabbe'pi dukkhassa karontu saṅkhayam.

4. Thātu ciraṃ satam Dhammo
Dhamma-d-dharā ca puggalā
Saṅgho hotu samaggo va
Atthāya ca hitāya ca

5. Amhe rakkhantu saddhammo
Sabbe'pi Dhamma-cārino
Vuddhiṃ sampāpuneyyāma
Dhamm'āriya-ppavedite.

*Cửa từ ẩn nấu phước hằng hà sa
Tỳ-khưu chẳng luận trẻ, già
Cao hạ, trung hạ hoặc là mới tu
Thiện nam, tín nữ, công phu
Đều là thí chủ đồng phù trợ nhân
Những người trong khắp thôn lân
Kiều cư châu quận được phần an khương
Chúng sinh bốn loại không lường
Noãn, thai, thấp, hóa khi nương pháp lành
Giải thoát, Pháp Bảo nên hành
Đặng mà dứt khổ triền quanh đọa đầy
Cầu cho hưng thịnh lâu dài
Pháp thiện trí thức các Ngài mở mang
Bậc tu xin được bình an,
Cầu cho Tăng chúng các hàng hòa nhau.
Lại thêm phẩm hạnh thanh cao,
Những quả lợi ích kết mau kịp thì.
Cầu xin Pháp Bảo hộ trì
Cho người tu đã qui y Phật rồi.
Xin cho cả thầy chúng con,*

Tấn hóa trong Pháp Phật roi giáo truyền.

26. HỒI HƯỚNG PHƯỚC ĐẾN THÂN QUYẾN (25:14-25:58)

Idaṃ no (vo) ñātinaṃ hontu. Sukhitā hontu
ñātayo

Idaṃ no (vo) ñātinaṃ hontu. Sukhitā hontu
ñātayo

Idaṃ no (vo) ñātinaṃ hontu. Sukhitā hontu
ñātayo

Idaṃ vata me puññaṃ āsava-kkhaṃv'ahaṃ
hotu anāgate.

*Do sự phước báu mà chúng con đã trong sạch làm
đây, xin hồi hướng đến thân bằng quyến thuộc đã
quá vãng, cầu mong cho các vị ấy được tái sinh về
nơi nhân cảnh. (3 lần)*

*Do sự phước báu mà chúng con đã trong sạch làm
đây, xin hồi hướng đến thân bằng quyến thuộc
trong hiện tại, cầu mong cho các vị ấy được sự
hạnh phúc, yên vui lâu dài. (3 lần)*

*Xin cho sự phước báu mà chúng con đã trong sạch
làm đây, hãy là món duyên lành, để dứt khỏi
những điều ô nhiễm, ngủ ngầm nơi tâm trong
ngày vị lai.*

27. KINH TỪ BI (26:02-29:26)

KARAṆĪYA METTĀ SUTTA

1. Karaṇīyam'attha-kusalena
Yaṃ taṃ santam padam abhisamecca
Sakko ujū ca su-h-ujū ca
Suvaco c'assa mudu anatimānī.

2. Santussako ca subharo ca
Appa-kicco ca sallahuka-vutti
Sant'indriyo ca nipako ca
Appagabbho kulesu an-anugiddho.

3. Na ca khuddam samācare kiñci
Yena viññū pare upavadeyyuṃ
Sukhino vā khemino hontu
Sabbe sattā bhavantu sukhitattā.

4. Ye keci pāṇa-bhūt'atthi
Tasā vā thāvarā va anavasesā

1. Người hằng mong an tịnh
Nên thể hiện Pháp lành
Có khả năng, chất phác
Ngay thẳng và nhu thuận
Hiên hòa, không kiêu mạn.

2. Sống dễ dàng, tri túc
Thanh đạm, không rộn ràng
Lục căn luôn trong sáng
Trí tuệ càng hiển minh
Chuyên cần, không quyển niệm.

3. Không làm việc ác nhỏ
Mà bậc trí hiền chê
Nguyện thái bình an lạc
Nguyện tất cả sinh linh
Tròn đầy muôn hạnh phúc.

4. Chúng sinh dù yếu, mạnh
Lớn, nhỏ, hoặc trung bình

Dighā vā ye mahantā vā
Majjhimā rassakā añuka-thūlā.

5. Ditṭhā vā ye va aditṭhā
Ye ca dūre vasanti avidūre,
Bhūtā vā sambhavesī vā
Sabbe sattā bhavantu sukhitattā.

6. Na paro paraṃ nikubbetha
N'ātimaññetha katthacināṃ kañci
Byārosanā paṭigha-saññā
N'aññam'aññassa dukkham'iccheyya.

7. Mātā yathā niyaṃ puttāṃ
Āyusā eka-puttāṃ anurakkhe
Evam'pi sabba bhūtesu
Mānasā bhāvaye aparimāṇaṃ.

8. Mettañca sabba lokasmiṃ
Mānasā bhāvaye aparimāṇaṃ

*Thấp, cao, không đồng đẳng
Hết thấy chúng hữu tình
Lòng từ không phân biệt.*

*5. Hữu hình, hoặc vô hình
Đã sinh, hoặc chưa sinh
Gần, xa không kể xiết
Nguyên tất cả sinh linh
Tròn đầy muôn hạnh phúc.*

*6. Đừng lừa đảo lẫn nhau
Chớ bắt mẫn điều gì
Đừng mong ai đau khổ
Vì tâm niệm sân si
Hoặc vì nuôi oán tưởng.*

*7. Như mẹ giàu tình thương
Suốt đời lo che chở
Đứa con một của mình
Hãy phát tâm vô lượng
Cùng tất cả sinh linh.*

*8. Từ bi gieo cùng khắp
Cả thế gian khổ hải*

Uddham adho ca tiriyañca
Asambādham averam asapattam.

9. Tittam caram nisinno vā
Sayāno vā yāvat'assa vigatamiddho
Etaṃ satim adhittheyya
Brahmam'etaṃ vihāram idham'āhu.

10. Ditthiñca anupagamma
Sīlavā dattanena sampanno
Kāmesu vineyya gedham
Na hi jātu gabbha-seyyam punaretī'ti.

28. KỆ PHẬT LỰC THẮNG HẠNH (29:27-33:23) BUDDHA JAYAMAṄGĀLA GĀTHĀ

1. Bāhum sahasam'abhinimmita
sāyudh'antam
Girimekhalam udita ghora-sasena-māram

*Trên dưới và quanh mình
Không hẹp hòi oan trái
Không giận hờn oán thù.
9. Khi đi, đứng, ngồi, nằm
Bao giờ còn thức tỉnh
Giữ niệm từ bi này
Thân tâm thường thanh tịnh
Phạm hạnh chính là đây.
10. Ai xả ly kiến thủ
Giới hạnh được tưng thành
Chánh tri đều viên mãn
Không ái nhiễm dục trần
Thoát ly đường sinh tử.*

*1. Tích xưa dưới cội Bồ-đề
Đức Phật cầm thắng tứ bề ma quân
Ma Vương hung dữ bội phần*

Dān'ādi dhamma-vidhinā jitavā Mun'indo
Taṃ tejasā bhavatu me (te) jaya-maṅgalāni.

2. Mār'ātirekam-abhiyujjhita sabba rattim
Ghoraṃ pan'ālavaka makkham'ath'addha
yakkham
Khantī sudanta-vidhinā jitavā Mun'indo
Taṃ tejasā bhavatu me (te) jaya-maṅgalāni.

3. Nālāgiriṃ gaja-varaṃ ati-matta-bhūtaṃ
Dāv'aggi cakkam-asani'va sudāruṇ'antaṃ

*Ngàn tay khí giới hiển thân, dương oai
Cỡi trên Khá-lá thân voi
Quân binh lớp lớp trong ngoài bao vây
Hét như sấm động tầng mây
Bồ-đoàn quyết chiếm tỏ bày hơn thua
Dùng pháp bố thí bờ kia
Thế Tôn nhiếp độ ác tà ma vương
Uy đức Phật Tổ vô lường
Cầu cho hạnh phúc, an khang mọi nhà.*

2. *A-lá-vá-ká Dạ-xoa
Hung tàn bạo ngược hơn là Ma Vương
Tự phụ, ngang ngạnh phi thường
Khoe tài, khoe lực kiên cường trọn đêm
Thế Tôn nhần nhục như nhiên
Dạ-xoa quy phục, nhu hiền từ đây
Uy đức Phật Tổ cao dày
Cầu cho hạnh phúc trở đây mười phương.*

3. *Na-la-gí-rí Tương vương
Bị người phục rượu phát khùng, hóa điên*

Mett'ambu-seka vidhinā jītavā Mun'indo
Taṃ tejasā bhavatu me (te) java-maṅgalāni.

4. Ukkhitta-khaggam-atihattā su-
dāruṇ'antaṃ
Dhāvan tiyojana-path'Anḡulimālavantaṃ
Iddhī'bhisāṅkhata-mano jītavā Mun'indo
Taṃ tejasā bhavatu me (te) java-maṅgalāni.

5. Katvāna kaṭṭham'udaraṃ iva gabbhinīyā
Ciñcāya dutṭha-vacanaṃ jana-kāya-majjhe
Santena samma-vidhinā jītavā Mun'indo
Taṃ tejasā bhavatu me (te) java-maṅgalāni.

*Khùng khiếp lửa cháy, sấm rền
Luân xa, bảo khí rần rần thẳng xông
Từ bi rải khắp hư không
Thế Tôn chế ngự cuồng ngông voi này
Uy đức Phật Tổ tròn đầy
Cầu cho hạnh phúc hiển bày thế gian.*

4. *Ăng-gu-li tinh nhuệ ngang tàng
Chém người lấy ngón tay làm trảng hoa
Kẻ hung bạo tợ ác ma
Cầm gương giết Phật, rượt ba do-tuần
Thế Tôn khai triển phép thần
Độ tên hiếu sát thiện tâm quay về
Uy đức vô thương Bồ-đề
Cầu cho hạnh phúc đê huê hằng sa.*

5. *Còn nàng mỹ nữ Chinh-cha
Cây tròn độn bụng, giả là mang thai
Vu oan miệng tiếng Như Lai
Ngài dùng Chánh Định nhiếp loài quý mưu*

6. Saccam vihayam-ati-Saccaka-vāda-ketum
Vād'ābhiropita-manam ati-andha-bhūtam
Paññā-padīpa-jalito jitavā Mun'indo
Tam tejasā bhavatu me (te) jaya-maṅgalāni.

7. Nandopananda-bhujagamvibuddham
mah'iddhim.
Puttena therā bhujagena dam'āpayanto
Iddh'ūpadesa-vidhinā jitavā Mun'indo
Tam tejasā bhavatu me (te) java-maṅgalāni.

*Uy đức Phật Tổ cao siêu
Cầu cho hạnh phúc trăm điều thặng hoa.*

*6. Kẻ ngoại đạo Xách-chá-ka
Chối bỏ sự thật, ba hoa lắm điều
Ngã mạn, tự phụ, kênh kiêu
Dựng cao cột phượng, trá điều loè đời
Mù lòa chẳng thấy mặt trời
Phật dùng trí tuệ độ người cuồng si
Uy đức Phật Tổ vô nghi
Cầu cho hạnh phúc bảo trì gần xa.*

*7. Rông Nanh-đô-pá-nanh-đa
Có đại thần lực, có tà kiến sai
Mục Liên tôn giả ra oai
Nghe lời Đức Phật thử tài Long vương
Thần thông biến hóa khôn lường
Thâu phục rồng dữ về nương pháp lành
Uy đức Phật Tổ cao minh
Cầu cho hạnh phúc phát sinh đến người.*

8. Duggāha-ditṭhi bhujagena sudatṭha-
hatthaṃ
Brahmaṃ visuddhi-jutim-iddhi-
Bak'ābhidhānaṃ
Ñāṇ'āgadena vidhinā jitavā Mun'indo
Taṃ tejasā bhavatu me (te) jaya-maṅgalāni.

9. Etāpi Buddha-jaya-maṅgala-aṭṭhagāthā
Yo vācano dina-dine sarate ma tandī
Hitvāna neka-vividhāni c'upaddavāni
Mokkhaṃ sukhaṃ adhigameyya naro
sapañño.

8. Lại thêm Sắc giới cõi trời
Phạm thiên Bá-ká sáng ngời hào quang
Thần thông, đại lực phi phàm
Tự cho cao thượng hơn hàng Thánh Tăng
Thuần tịnh, đức hạnh ai bằng
Chấp ngã, chấp kiến tưởng rằng chánh tri
Do nhờ Giác Tuệ diệu kỳ
Thế Tôn bi mẫn độ vì Phạm thiên
Uy đức Phật Tổ vô biên
Cầu cho hạnh phúc khắp miền nhân gian.

9. Những người hiền trí, thiên căn
Ngày đêm trì niệm tinh cần kệ ngôn
Tám Phật Lục: Diệu Pháp môn
Tán dương uy đức Thế Tôn đời đời
Nhân lành tránh khỏi nạn tai
Phúc duyên tăng trưởng lâu dài về sau
Tấn tu quả báu nhiệm mầu
Viên thành chánh quả, ngộ hầu vô sinh.

29. KINH ĐIÊM LÀNH (33:24-37:26) MAṄGALASUTTAM

Evam me sutam: Ekam samayam Bhagavā
Sāvattiyam viharati Jetavane Anāthapiṇḍi-
kassa Ārāme. Atha kho aññatarā devatā
abhikkantāya rattiyā abhikkanta-vaṇṇā
kevala-kappam Jetavanam obhāsetvā yena
Bhagavā ten'upasaṅkami, upasaṅkamitvā
Bhagavantam abhivādetvā ekamantam
atthāsi. Ekamantam tthitā kho sā devatā
Bhagavantam gāthāya ajjhabhāsi.

Bahū devā manussā ca
Maṅgalāni acintayum
Ākaṅkhamānā soṭṭhānam
Brūhi maṅgalam'uttamam.

*Tôi đã nghe như vậy: Một thời đức Thế Tôn ngự
tại Sāvattthi, Jetavana, tu viện của ông
Anāthapiṇḍika. Khi ấy, lúc đêm đã khuya, một vị
Thiên nhân nọ với màu sắc vượt trội đã làm cho
toàn bộ Jetavana rực sáng rồi đã đi đến gặp đức
Thế Tôn, sau khi đến đã đánh lễ đức Thế Tôn rồi
đứng ở một bên. Đứng ở một bên, vị Thiên nhân
ấy đã bạch với đức Thế Tôn bằng lời kệ rằng:*

*Nhiều Thiên nhân và Người,
Suy nghĩ đến điêm lành,
Mong ước và đợi chờ,
Một nếp sống an toàn,
Xin Ngài hãy nói lên
Về điêm lành tối thượng.*

1. Asevanā ca bālānaṃ
Paṇḍitānañca sevānā
Pūjā ca pūjanīyānaṃ
Etaṃ maṅgalam'uttamaṃ.

2. Paṭirūpa-desa-vāso ca
Pubbe ca kata-puññatā
Atta sammā paṇidhi ca
Etaṃ maṅgalam'uttamaṃ.

3. Bāhu-saccañca sippañca
Vinayo ca susikkhito
Subhāsītā ca yā vācā
Etaṃ maṅgalam'uttamaṃ.

4. Mātā-pitu upatṭhānaṃ
Putta-dārassa saṅgaho
Anākulā ca kammantā

1. Không gân kẻ ngu si,
Thân cận người hiền trí,
Cúng dường bậc xứng đáng,
Là điềm lành tối thượng.

2. Ở trú xứ thích hợp,
Công đức trước đã làm,
Chân chánh hướng tự tâm,
Là điềm lành tối thượng.

3. Đa văn, nghề nghiệp giỏi,
Thông suốt các luật nghi,
Nói những lời chân thật,
Là điềm lành tối thượng.

4. Hiếu thuận bậc sinh thành,
Dưỡng dục vợ và con,
Sở hành theo nghiệp chánh,

Etam maṅgalam'uttamaṃ.

5. Dānañca dhamma-cariyā ca
Ñātakānañca saṅgaho
Anavajjāni kammāni
Etam maṅgalam'uttamaṃ.

6. Āratī-virati pāpā
Majja-pānā ca saññamo
Appamādo ca dhammesu
Etam mangalam'uttamaṃ.

7. Gāravo ca nivāto ca
Santutṭhī ca kataññutā
Kālena dhamma-savanaṃ
Etam maṅgalam'uttamaṃ.

8. Khantī ca sovacassatā
Samaṇānañca dassanaṃ
Kālena Dhamma-sākacchā

Là điềm lành tối thượng.

*5. Bố thí, hành đúng pháp,
Giúp ích hàng quyến thuộc,
Giữ chánh mạng trong đời,
Là điềm lành tối thượng.*

*6. Xả ly tâm niệm ác,
Chế ngự không say sưa,
Không phóng dật trong pháp,
Là điềm lành tối thượng.*

*7. Đức cung kính, khiêm nhường,
Tri túc và Tri ân,
Đúng thời nghe chánh pháp,
Là điềm lành tối thượng.*

*8. Nhẫn nại, lời nhu hòa,
Yết kiến bậc Sa-môn,
Tùy thời đàm luận pháp,*

Etam maṅgalam'uttamaṃ.

9. Tapo ca brahma-cariyā ca
Ariya-saccāni dassanaṃ
Nibbāna-sacchikiriyā ca
Etam maṅgalam'uttamaṃ.

10. Phutṭhassa loka-dhammehi
Cittaṃ yassa na kampati
Asokaṃ, virajaṃ, khemaṃ
Etam maṅgalam'uttamaṃ.

11. Etādisāni katvāna
Sabbattham'aparājitā
Sabbattha-sotthiṃ gacchanti taṃ
Tesaṃ maṅgalam'uttamaṃ'ti.

Là điềm lành tối thượng.

*9. Tự chủ, sống Phạm hạnh,
Thấy được lý Thánh đế,
Giác ngộ đại Niết-bàn,
Là điềm lành tối thượng.*

*10. Khi xúc chạm việc đời
Tâm không động, không sầu,
Tự tại và vô nhiễm,
Là điềm lành tối thượng.*

*11. Những sở hành như vậy
Không chỗ nào thối thất
Khắp nơi được an toàn
Là điềm lành tối thượng.*

30. KINH TAM BẢO (37:27-46:37)

(RATANA SUTTĀRAMBHO)

1. Paṇidhānato patthāya Tathāgatassa dasa
pāramiyo dasa upapāramiyo dasa
param'attha pāramiyo pañca mahā-pari-ccāge
tisso cariyā pacchima-bbhavē
gabbh'āvakkantim jātim abhinikkhamanam
padhāna-cariyam bodhi-pallaṅke mārā-
vijayam.

2. Sabb'aññuta-ññāna-ppaṭivedham nava
lok'uttara-dhamme'ti. Sabbe'pi me Buddha-
guṇe āvajjitvā Vesāliyā tisu Pākār'antaresu ti-
yāma-rattim parittam karonto āyasmā
Ānanda-thero viya kāruṇṇa-cittam
upaṭṭhapetvā.

3. Koṭi-sata-sahassesu cakkavālesu Devatā
yassānam paṭiggaṇhanti yañca Vesāliyam

(KỆ KHAI KINH)

Đại Đức Ānandā
Đã phát tâm bi mãn
Hộ niệm suốt ba canh
Ba vòng thành Vệ Xá
Niệm tất cả ân Đức
Của Như Lai đại nguyện
Là mười ba la mật
Mười thương ba la mật
Mười thắng ba la mật
Năm pháp đại xá thí
Ba đại hạnh độ sinh
Giáng trần trong kiếp chót
Ra đời vườn Lâm Tỳ
Xuất gia, tu khổ hạnh
Rồi chiến thắng ma quân
Ngộ nhất thiết liễu trí
Chứng chín pháp siêu phàm

pure rog'āmanussa dubbhikkha-sambhūtaṃ
tividhaṃ khayamaṃ khippamaṃ antara-dhāpesi
parittaṃ taṃ bhaṇāma he.

(RATANA SUTTA)

1. Yān'īdha bhūtāni samāgatāni
Bhummāni vā yāni'va antalikkhe
Sabbe'va bhūtā sumanā bhavantu
Atha'pi sakkacca suṇantu bhāsitaṃ.

2. Tasmā hi bhūtāni sametha sabbe
Mettaṃ karotha mānusiya pajāya

*Chư Thiên khắp các cõi
Mười muôn triệu thế giới
Đều hoan hỷ thọ lãnh
Uy lực kinh thọ trì
Và trong thành Xá Ly
Tất cả các bệnh hoạn
Đói khát cùng phi nhân
Thấy đều mau hóa giải
Chúng con nay hết lòng
Xin trì kinh hộ niệm.*

*1. Phàm chúng Thiên nhân nào
Cư ngụ trên địa cầu
Hoặc hư không trú xứ
Đã vâng tập về đây
Xin mở lòng hoan hỷ
Lắng nghe lời dạy này.*

*2. Tất cả chúng Thiên nhân
Hãy đồng tâm hoan hỷ*

Divā ca ratto ca haranti ye balim
Tasmā hi ne rakkhatha appamattā.

3. Yaṃ kiñci vittaṃ idha vā huraṃ vā
Saggesu vā yaṃ ratanaṃ paṇītaṃ
Na no samaṃ atthi Tathāgatena
Idam'pi Buddhē ratanaṃ paṇītaṃ.
Etena saccena suvatthi hotu.

4. Khayaṃ virāgaṃ amataṃ paṇītaṃ
Yad' ajjhagā Sakyamunī samāhito
Na tena Dhammena sam'atthi kiñci

*Mở rộng tấm lòng từ
Luôn chuyên cần gia hộ
Những người nam nữ nào
Ngày đêm thường bố thí.*

*3. Phàm những tài sản gì
Đời này hay đời sau
Hoặc châu báu thù thắng
Hiện hữu trên cõi trời
Không gì sánh bằng được
Với Thiên Thệ Như Lai
Như vậy chính Đức Phật
Là châu báu thù diệu
Mong với sự thật này
Được sống chân hạnh phúc.*

*4. Ly dục diệt phiền não
Pháp bất tử thù diệu
Phật Thích Ca Mâu Ni*

Idam'pi Dhamme ratanam paṇītaṃ
Etena saccena suvatthi hotu.

5. Yaṃ Buddha-seṭṭho parivaṇṇayī sucim
Samādhim'ānantarik'aññam'āhu
Samādhinā tena samo na vijjati
Idam'pi Dhamme ratanam paṇītaṃ
Etena saccena suvatthi hotu.

6. Ye puggalā aṭṭha satam pasatthā
Cattāri etāni yugāni honti
Te dakkhiṇeyyā Sugatassa Sāvakā
Etesu dinnāni mahā-pphalāni

*Đã chứng đắc tịch tịnh
Chẳng pháp nào sánh bằng
Như vậy chính Pháp Bảo
Là châu báu thù diệu
Mong với sự thật này
Được sống chân hạnh phúc.*

*5. Bậc Vô Thượng Chánh Giác
Hằng ca ngợi pháp thiên
Trong sạch, không gián đoạn
Chẳng thiên nào sánh bằng
Như vậy chính Pháp Bảo
Là châu báu thù diệu
Mong với sự thật này
Được sống chân hạnh phúc.*

*6. Thánh tám vị bốn đôi
Được bậc thiện tán thán
Đệ tử Đấng Thiện Thệ
Xứng đáng được cúng dường*

Idam'pi Saṅghe ratanaṃ paṇītaṃ
Etena saccena suvatthi hotu.

7. Ye su-ppayuttā manasā dalhena
Nikkāmino Gotama-sāsanamhi
Te patti-pattā amatam vigayha
Laddhā mudhā nibbutim bhuñjamānā
Idam'pi Saṅghe ratanaṃ paṇītaṃ
Etena saccena suvatthi hotu.

8. Yath'indakhīlo paṭhaviṃ sito siyā
Catūbhi vātebhi asampakampiyo
Tath'ūpamaṃ sappurisaṃ vadāmi yo

*Bố thí các vị ấy
Được kết quả vô thượng
Như vậy chính Tăng Bảo
Là châu báu thù diệu
Mong với sự thật này
Được sống chân hạnh phúc.*

*7. Thiện hạnh tâm kiên cố
Ly dục trong chánh đạo
Của Phật Gotama
Chứng nhập vị bất tử
Hưởng tịch tịnh dễ dàng
Như vậy chính Tăng Bảo
Là châu báu thù diệu
Mong với sự thật này
Được sống chân hạnh phúc.*

*8. Ví như cột trụ đá
Khéo y cứ lòng đất
Dẫu có gió bốn phương*

Ariya-saccāni avecca-passati
Idam'pi Saṅghe ratanaṃ paṇītaṃ
Etena saccena suvatthi hotu.

9. Ye ariya-saccāni vibhāvayanti
Gambhīra paññena sudesitāni
Kiñc'āpi te honti bhusa-ppamattā
Na te bhavaṃ aṭṭhamam'ādiyanti
Idam'pi Saṅghe ratanaṃ paṇītaṃ
Etena saccena suvatthi hotu.

*Cũng không hề lay động
Ta nói bậc chân nhân
Liễu ngộ Tứ Thánh Đế
Cũng tự tại bất động
Trước tám pháp thế gian
Như vậy chính Tăng Bảo
Là châu báu thù diệu
Mong với sự thật này
Được sống chân hạnh phúc.*

*9. Bậc thấu triệt Thánh Đế
Đã được khéo thuyết giảng
Bởi trí tuệ yên thâm
Dù cho có phóng dật
Cũng không thể tái sinh
Nhiều hơn trong bảy kiếp
Như vậy chính Tăng Bảo
Là châu báu thù diệu
Mong với sự thật này
Được sống chân hạnh phúc.*

10. Sahāvassa dassanā-sampadāya
Tayassu dhammā jahitā bhavanti
Sakkāya-dit̐thi vicikicchitañca
Sīlabbatam vā'pi yad'atthi kiñci
Catūh'apāyehi ca vippamutto
Cha c'ābhiṭṭhānāni abhabbo kātuṃ
Idam'pi Saṅghe ratanam paṇītam
Etena saccena suvatthi hotu.

11. Kiñc'āpi so kammaṃ karoti pāpakaṃ
Kāyena vācā uda cetasā vā
Abhabbo so tassa paṭicchādāya
Abhabbatā dit̐tha-padassa vuttā
Idam'pi Saṅghe ratanam paṇītam
Etena saccena suvatthi hotu.

10. Những bậc kiến cụ túc
Đoạn trừ ba kiến sử
Là thân kiến, hoài nghi
Luôn cả giới cấm thủ
Thoát khỏi bốn đọa xứ
Không làm sáu trọng tội
Như vậy chính Tăng Bảo
Là châu báu thù diệu
Mong với sự thật này
Được sống chân hạnh phúc.

11. Dấu có làm tội gì
Bằng thân, khẩu hoặc ý
Các ngài chẳng bao giờ
Che dấu điều đã phạm
Bởi vì đức tánh này
Được gọi là “thấy pháp”
Như vậy chính Tăng Bảo
Là châu báu thù diệu

12. Vana-ppagumhe yathā bhussit'agge
Gimhāna-māse paṭhamasmim gimhe
Tath'ūpamaṃ Dhamma-varaṃ adesayi
Nibbāna-gāmiṃ paramaṃ hitāya
Idam'pi Buddhē ratanaṃ paṇītaṃ
Etena saccena suvatthi hotu.

13. Varo var'aññū varado var'āharo
Anuttaro Dhamma-varaṃ adesayi
Idam'pi Buddhē ratanaṃ paṇītaṃ
Etena saccena suvatthi hotu.

*Mong với sự thật này
Được sống chân hạnh phúc.*

*12. Ví như cây trong rừng
Đâm chồi đầu mùa hạ
Cũng vậy Đức Thế Tôn
Thuyết giảng pháp ưu việt
Dẫn đến ngộ Niết bàn
Là lợi ích tối thượng
Như vậy chính Đức Phật
Là châu báu thù diệu
Mong với sự thật này
Được sống chân hạnh phúc.*

*13. Đức Phật bậc vô thượng
Liễu thông pháp cao thượng
Chứng đạt pháp tối thượng
Chuyển đạt pháp thắng thượng
Như vậy chính Đức Phật
Là châu báu thù diệu*

14. Khīṇaṃ purāṇaṃ navaṃ n'atthi
sambhavaṃ,
Virattacitt'āyatike bhavasmim.
Te khīṇa-bijā avirūlhi chandā,
Nibbanti dhīrā yathā yaṃ padīpo.
Idaṃ'pi Saṅghe ratanaṃ paṇītaṃ,
Etena saccena suvatthi hotu.

15. Yān'īdha bhūtāni samāgatāni
Bhummāni vā yāni'va antalikkhe
Tathāgataṃ Deva-manussa-pūjitaṃ
Buddhaṃ namassāma suvatthi hotu.

*Mong với sự thật này
Được sống chân hạnh phúc.*

*14. Nghiệp cũ đã tiêu trừ
Nghiệp mới không phát khởi
Nhàm chán kiếp tái sinh
Chúng tử dục đoạn tận
Bậc trí chứng Niết bàn
Ví như lửa đèn tắt
Như vậy chính Tăng Bảo
Là châu báu thù diệu
Mong với sự thật này
Được sống chân hạnh phúc.*

*15. Phàm chúng Thiên nhân nào
Cư ngụ trên địa cầu
Hoặc trú xứ hư không
Đã vâng tập về đây
Xin đồng tâm hoan hỷ
Thành kính đánh lễ Phật*

16. Yān'īdha bhūtāni samāgatāni
Bhummāni vā yāni'va antalikkhe
Tathāgatam Deva-manussa-pūjitam
Dhammam namassāma suvatthi hotu.

17. Yān'īdha bhūtāni samāgatāni
Bhummāni vā yāni'va antalikkhe
Tathāgatam Deva-manussa-pūjitam
Saṅgham namassāma suvatthi hotu.

*Đã như thật xuất hiện
Mà Chư Thiên, loài người
Thường cúng dường tôn trọng
Mong được sống an lành.*

*16. Phàm chúng Thiên nhân nào
Cư ngụ trên địa cầu
Hoặc trú xứ hư không
Đã vân tập về đây
Xin đồng tâm hoan hỷ
Thành kính đánh lễ Pháp
Đã như thật xuất hiện
Mà Chư Thiên loài người
Thường cúng dường tôn trọng
Mong được sống an lành.*

*17. Phàm chúng Thiên nhân nào
Cư ngụ trên địa cầu
Hoặc trú xứ hư không
Đã vân tập về đây*

31. KỆ HỘ TRÌ TỐI THẮNG (46:41-48:16)
JAYA PARITTA GĀTHĀ

1. Mahā-kāruṇiko nātho
Hitāya sabba pāṇinaṃ
Pūretvā pāramī sabbā
Patto sambodhim-uttamaṃ
Etena sacca-vajjena
Hotu te jaya-maṅgalaṃ.

2. Jayanto bodhiyā mūle
Sakyānaṃ nandi-vaḍḍhanao
Evaṃ tvamaṃ vijayo hoti

*Xin đồng tâm hoan hỷ
Thành kính đánh lễ Tăng
Đã như thật xuất hiện
Mà Chư Thiên, loài người
Thường cúng dường tôn trọng
Mong được sống an lành.*

*1. Bậc Đại Bi cứu khổ
Vì lợi ích chúng sinh
Tự thành ba-la-mật
Chúng Vô Thượng Chánh Giác
Do lời chân thật này
Nguyện cầu chân hạnh phúc.*

*2. Nhờ chiến thắng ma vương
Trên bờ đoàn bất thối
Dưới cội cây bồ đề*

Jayassu jaya-maṅgale.
Aparājita pallaṅke
Sīse paṭhavi-pokkhare.

3. Abhiseke sabba-Buddhānaṃ
Agga-ppatto pamodati
Su-nakkhattaṃ su-maṅgalaṃ
Su-pabhātaṃ su-h-utṭhitaṃ
Su-khaṇo su-muhutto ca
Su-yitṭhaṃ brahma-cārisu.

4. Padakkhiṇaṃ kāya-kammaṃ
Vācā-kammaṃ padakkhiṇaṃ
Padakkhiṇaṃ mano-kammaṃ
Paṇidhī te padakkhiṇā.
Padakkhiṇāni katvāna
Labhant'atthe padakkhiṇe.

*Địa cầu liên hoa đỉnh
Mà dòng họ Thích ca
Tặng trường niềm hoan hỷ
Như vậy hãy thắng mình
Mới là chân phúc hạnh.*

*3. Hoan hỷ cúng dường Phật
Bậc Giác Ngộ nghiêm tôn
Hoặc kính hàng phạm hạnh
Chính là sao tốt lành
Là bình minh tươi sáng
Là khởi sự an toàn
Là phút giây hoàn hảo.*

*4. Nghiệp khẩu và nghiệp thân
Nghiệp ý đều sung mãn
Là nguyện vọng nhiều ích
Việc như vậy đã làm
Được lợi ích sung mãn.*

32. KỆ HỘ TRÌ VÔ ÚY (48:18-50:23)
ABHAYA PARITTA SUTTA

1. Yaṃ du-nnimittaṃ ava-maṅgalañca
Yo c'āmanāpo sakuṇassa saddo
Pāp'āgho du-ssupinaṃ akantaṃ
Buddh'ānubhāvena vinassamentu.

2. Yaṃ du-nnimittaṃ ava-maṅgalañca
Yo c'āmanāpo sakuṇassa saddo
Pāp'āgho du-ssupinaṃ akantaṃ
Dhamm'ānubhāvena vinassamentu.

3. Yaṃ du-nnimittaṃ ava-maṅgalañca
Yo c'āmanāpo sakuṇassa saddo
Pāp'āgho du-ssupinaṃ akantaṃ
Saṅgh'ānubhāvena vinassamentu.

4. Dukkha-ppattā ca ni-ddukkhā
Bhaya-ppattā ca ni-bbhayā

1. Nhờ uy Đức Phật Bảo,
2. Nhờ uy Đức Pháp Bảo
3. Nhờ uy Đức Tăng Bảo
Những hiện tượng chẳng lành
Những gian nguy bất hạnh
Cầm thú hú thương tâm
Những hiện tượng bất thường
Hoặc những điều bất mãn
Thấy đều được tiêu tan.

4. Những khổ đau không khổ
Những kinh sợ không kinh

Soka-ppattā ca ni-ssokā
Hontu sabbe pi pāṇino.

5. Etā-vatā ca amhehi
Sambhataṃ puñña-sampadaṃ
Sabbe dev'ānumodantu
Sabba sampatti-siddhiyā.

6. Dānaṃ dadantu saddhāya
Sīlaṃ rakkhantu sabbadā
Bhāvan'ābhiratā hontu
Gacchantu Devat'āgatā.

7. Sabbe Buddhā bala-ppattā
Paccekānañca yaṃ balaṃ
Arahantānañca tejena
Rakkhaṃ bandhāmi sabbaso.

*Những ưu phiền không ưu
chúng sinh được như vậy.*

*5. Xin Chư Thiên hoan hỷ
Tất cả thành tựu này
Là phước báu chúng tôi
Đã tác thành như vậy.*

*6. Xin mở lòng bố thí
Giới hạnh thường nghiêm trì
Tinh tấn hành thiền định
Chư Thiên đến rồi đi
Xin trọn niềm hoan hỷ.*

*7. Uy Đức đáng Toàn Tri
Uy Đức Chư Độc Giác
Uy Đức các Thanh Văn
Con nguyện xin thủ hộ.*

33. KỆ HỘ TRÌ ĀṬĀNĀṬIYA (50:29-51:43)
ĀṬĀNĀṬIYA PARITTA GĀTHĀ

1. Sakkatvā Buddha-ratanam
Osadham uttamam varam
Hītam deva-manussānam
Buddha-tejena sotthinā
Nassant'upaddavā sabbe
Dukkhā vūpasamentu te.

2. Sakkatvā Dhamma-ratanam
Osadham uttamam varam
Parilāh'upasamanam
Dhamma-tejena sotthinā
Nassant'upaddavā sabbe
Bhayā vūpasamentu te.

*1. Tất cả điều nguy khốn
Xin cho được tiêu tan
Những khổ não của người
Cả thấy đều yên lặng.
Nhờ uy Đức Chư Phật
Vì tôn kính Phật Bảo
Như linh dược quý cao
Nhân Thiên đều ích lợi.*

*2. Tất cả điều nguy khốn
Xin cho được tiêu tan
Những lo sợ của người
Cả thấy đều yên lặng
Nhờ uy lực Diệu Pháp
Vì tôn kính Pháp Bảo
Như linh dược quý cao
Lắng dịu điều phiên não.*

3. Sakkatvā Saṅgha-ratanam
Osadham uttamam varam
Āhuneyyam pāhuneyyam
Saṅgha-tejena sotthinā
Nassant' upaddavā sabbe
Rogā vūpasamentu te.

34. KỆ CHÂU BÁU (51:45-52:31)

1. Yam kiñci ratanam loke
Vijjati vividham puthu
Ratanam Buddha-samam n'atthi
Tasmā sotthi bhavantu te.

2. Yam kiñci ratanam loke
Vijjati vividham puthu
Ratanam Dhamma-samam n'atthi

3. Tất cả điều nguy khốn
Xin cho được tiêu tan
Những tật bệnh của người
Cả thầy đều yên lặng
Nhờ uy Đức Chư Tăng
Vì tôn kính Tăng Bảo
Như linh dược quý cao
Đáng cúng dường tôn trọng.

1. Châu báu trên thế gian
Dù muôn hình muôn sắc
Không sánh bằng Phật Bảo
Nguyện người được an lành.

2. Châu báu trên thế gian
Dù muôn hình muôn sắc
Không sánh bằng Pháp Bảo

Tasmā sotthī bhavantu te.

3. Yaṃ kiñci ratanaṃ loke
Vijjati vividhaṃ puthu
Ratanaṃ Saṅgha-samaṃ n'atthi
Tasmā sotthī bhavantu te.

35. CÁC KỆ ĐỘNG TÂM (52:33-57:18)

Aniccā vata saṅkhārā,
Uppādavayadhammino,
Uppajjivā nirujjhanti,
Tesaṃ vūpasamo sukho.

Aniccā vata saṅkhārā,
Uppādavayadhammino,
Uppajjivā nirujjhanti,
Tesaṃ vūpasamo sukho.

Nguyện người được an lành.

*3. Châu báu trên thế gian
Dù muôn hình muôn sắc
Không sánh bằng Tăng Bảo
Nguyện người được an lành.*

*Các pháp hữu vi thật không bền vững,
Nó có tánh sinh diệt là thường.
Vi nhân sinh rồi diệt, diệt rồi sinh, nên thường
hay có sự khổ não.
Chỉ có Niết-bàn là pháp tịch diệt, dứt các pháp
hữu vi ấy được, mới có sự an vui tuyệt đối. (3 lần)*

Aniccā vata saṅkhārā,
Uppādavayadhammino,
Uppajjitvā nirujjhanti,
Tesaṃ vūpasamo sukho.

1) Na gāmadhammo nigamassa dhammo,
Na cāpiyaṃ ekakulassa dhammo,
Sabbassa lokassa sadevakassa,
Eseva dhammo yadidaṃ aniccatā

2) Na gāmadhammo nigamassa dhammo,
Na cāpiyaṃ ekakulassa dhammo,
Sabbassa lokassa sadevakassa,
Eseva dhammo yadidaṃ ca dukkhatā.

1) Pháp nào có tên gọi là “Vô thường”, là pháp có trạng thái “thay đổi thông thường”, pháp ấy chẳng phải chỉ để riêng cho những người trong một xứ, chẳng phải chỉ để riêng cho những người trong một xóm, chẳng phải chỉ để riêng cho những người trong một gia tộc đâu. Pháp ấy để chung cho nhân loại, súc sinh, luôn đến Chư Thiên, Ma Vương và Phạm Thiên cả thảy.

2) Pháp nào có tên gọi là “Khổ não”, là pháp có trạng thái “đau đớn buồn rầu”, pháp ấy chẳng phải chỉ để riêng cho ...

3) Na gāmadhammo nigamassa dhammo,
Na cāpiyaṃ ekakulassa dhammo,
Sabbassa lokassa sadevakassa,
Eseva dhammo yadidaṃ anattatā.

Aciraṃ vatayaṃ kāyo,
Paṭhaviṃ adhisessati,
Chuddho apetaviññāṇo,
Niratthaṃva kaliṅgaram.

Aciraṃ vatayaṃ kāyo,
Paṭhaviṃ adhisessati,
Chuddho apetaviññāṇo,
Niratthaṃva kaliṅgaram.

Aciraṃ vatayaṃ kāyo,
Paṭhaviṃ adhisessati,
Chuddho apetaviññāṇo,
Niratthaṃva kaliṅgaram.

3) Pháp nào có tên gọi là “vô ngã”, là pháp có trạng thái “không phải là của ta”, pháp ấy chẳng phải chỉ để riêng cho những người trong một xứ, chẳng phải chỉ để riêng cho ...

Thân này chẳng bao lâu
Nằm trơ trên mặt đất
Vô dụng xác không hồn
Như gỗ mục vứt bỏ. (3 lần)

Āyu usmā ca viññāṇaṃ,
Yadā kāyaṃ jahantimaṃ,
Apavittho tadā seti,
Niratthaṃva kaliṅgaram.

Sabbe sattā marisanti,
Maraṇantaṃ hi jīvitaṃ,
Yathākammaṃ gamissanti,
Puññapāpabhalūpagā,
Nirayaṃ pāpakammantā,
Puññakammā ca sugataṃ,
Tasmā kareyya kalyāṇaṃ,
Nicayaṃ samparāyikaṃ,
Puññāni paralokasmiṃ,
Pattitthā honti paṇiṇaṃ.

*Tuổi thọ, lửa, thức tâm
Khi lia bỏ thân người
Xác bỏ nằm trên đất
Như gỗ mục bỏ đi.*

*Tất cả chúng sinh
Thấy đều sẽ chết
Sự chết chính là
Tận cùng kiếp sống
Nghệp dĩ thế nào
Sẽ đi như vậy
Tội phước ra sao
Đều mang hậu quả
Nghệp thiện cõi trời
Nghệp ác địa ngục
Vậy hãy làm lành
Tích lũy đời sau
Vi phước nâng đỡ
Cho mọi chúng sinh*

Sabbe saṅkhārā aniccāti,
Yadā paññāya passati,
Atha nibbindati dukkhe,
Esa maggo visuddhiyā.

Sabbe saṅkhārā dukkhāti,
Yadā paññāya passati,
Atha nibbindati dukkhe,
Esa maggo visuddhiyā.

Sabbe dhammā anattāti,
Yadā paññāya passati,
Atha nibbindati dukkhe,
Esa maggo visuddhiyā.

Yama-purisā'pi ca taṃ upatṭhitā
Uyyoga-mukkhe ca tiṭṭhati
Pātheyyam'pi ca te na vijjati

Trong đời mai hậu.

*Khi trí tuệ quán chiếu
Thấy hữu vi vô thường
Liên thoát ly khổ não
Đó là thanh tịnh đạo.*

*Khi trí tuệ quán chiếu
Thấy hữu vi khổ không
Liên thoát ly khổ não
Đó là thanh tịnh đạo.*

*Khi trí tuệ quán chiếu
Thấy pháp không phải ta
Liên thoát ly khổ não
Đó là thanh tịnh đạo.*

*Thân như phiến lá vàng
Bên bờ ranh cõi chết
Từ thân đang chờ đợi*

So karoḥi dīpaṃ attano
Khippaṃ vāyama paṇḍito bhava
Niddhanta-malo anaṅgano
Dibbaṃ ariya-bhūmiṃ ehisi.

*Sao chưa có hành trang
Hãy tự mình thấp đuốc
Bậc trí sớm tinh cần
Trong sạch, ly ố nhiễm
Vào Thánh địa nhiệm mầu.*

36. BA MƯƠI PHÁP BA LA MẬT (57:21- 01:01:18) TIDASA PĀRAMĪ

1. Itipi so bhagavā dāna-parāmi sampanno
Itipi so bhagavā dāna-upa-pārami sampanno
Itipi so bhagavā dāna-paramattha-pārami
sampanno.

*1. Đức Thế Tôn đã thành tựu pháp bố thí ba-la-
mật. Đức Thế Tôn đã thành tựu pháp bố thí
thượng ba-la-mật. Đức Thế Tôn đã thành tựu
pháp bố thí thắng ba-la-mật.*

2. Itipi so bhagavā sila-pārami sampanno
Itipi so bhagavā sila-upa-pārami sampanno
Itipi so bhagavā sila-paramattha-pārami
sampanno.

*2. Đức Thế Tôn đã thành tựu pháp trì giới ba-la-
mật. Đức Thế Tôn đã thành tựu pháp trì giới
thượng ba-la-mật. Đức Thế Tôn đã thành tựu
pháp trì giới thắng ba-la-mật.*

3. Itipi so bhagavā nekkhamma-pāramī sampanno
Itipi so bhagavā nekkhamma-upa-pāramī sampanno
Itipi so bhagavā nekkhamma-paramattha-pāramī sampanno.

4. Itipi so bhagavā paññā-pāramī sampanno
Itipi so bhagavā paññā-upa-pāramī sampanno
Itipi so bhagavā paññā-paramattha-pāramī sampanno.

5. Itipi so bhagavā viriya-pāramī sampanno
Itipi so bhagavā viriya-upa-pāramī sampanno
Itipi so bhagavā viriya-paramattha-pāramī sampanno.

6. Itipi so bhagavā khantī-pāramī sampanno

3. Đức Thế Tôn đã thành tựu pháp xuất gia ba-la-mật. Đức Thế Tôn đã thành tựu pháp xuất gia thương ba-la-mật. Đức Thế Tôn đã thành tựu pháp xuất gia thắng ba-la-mật.

4. Đức Thế Tôn đã thành tựu pháp trí tuệ ba-la-mật. Đức Thế Tôn đã thành tựu pháp trí tuệ thương ba-la-mật. Đức Thế Tôn đã thành tựu pháp trí tuệ thắng ba-la-mật.

5. Đức Thế Tôn đã thành tựu pháp tinh tấn ba-la-mật. Đức Thế Tôn đã thành tựu pháp tinh tấn thương ba-la-mật. Đức Thế Tôn đã thành tựu pháp tinh tấn thắng ba-la-mật.

6. Đức Thế Tôn đã thành tựu pháp nhẫn nhục ba-la-mật. Đức Thế Tôn đã thành tựu pháp nhẫn

Itipi so bhagavā khantī-upa-pāramī
sampanno

Itipi so bhagavā khantī-paramattha-pāramī
sampanno.

7. Itipi so bhagavā sacca-pāramī sampanno.
Itipi so bhagavā sacca-upa-pāramī sampanno
Itipi so bhagavā sacca-paramattha-pāramī
sampanno.

8. Itipi so bhagavā adhiṭṭhāna-pāramī
sampanno
Itipi so bhagavā adhiṭṭhāna-upa-pāramī
sampanno
Itipi so bhagavā adhiṭṭhāna-paramattha-
pāramī sampanno.

9. Itipi so bhagavā mettā-pāramī sampanno
Itipi so bhagavā mettā-upa-pāramī sampanno

*nhục thượng ba-la-mật. Đức Thế Tôn đã thành
tựu pháp nhẫn nhục thắng ba-la-mật.*

*7. Đức Thế Tôn đã thành tựu pháp chân thật ba-
la-mật. Đức Thế Tôn đã thành tựu pháp chân
thật thượng ba-la-mật. Đức Thế Tôn đã thành tựu
pháp chân thật thắng ba-la-mật.*

*8. Đức Thế Tôn đã thành tựu pháp quyết định ba-
la-mật. Đức Thế Tôn đã thành tựu pháp quyết
định thượng ba-la-mật. Đức Thế Tôn đã thành
tựu pháp quyết định thắng ba-la-mật.*

*9. Đức Thế Tôn đã thành tựu pháp tâm từ ba-la-
mật Đức Thế Tôn đã thành tựu pháp tâm từ
thượng ba-la-mật. Đức Thế Tôn đã thành tựu
pháp tâm từ thắng ba-la-mật.*

Itipi so bhagavā mettā-paramattha-pāramī
sampanno.

10. Itipi so bhagavā upekkhā-pāramī
sampanno
Itipi so bhagavā upekkhā-upa-pāramī
sampanno
Itipi so bhagavā upekkhā-paramattha-pāramī
sampanno.

11. Itipi so bhagavā dasa-pāramī sampanno
Itipi so bhagavā dasa-upa-pāramī sampanno
Itipi so bhagavā dasa-paramattha-pāramī
sampanno ti.

37. THẬP NHỊ DUYÊN KHỞI (01:01:20- 01:04:17) PAṬṬICCA SAMUPPĀDA

Avijjā paccayā saṅkhārā
Saṅkhāra paccayā viññāṇaṃ

*10. Đức Thế Tôn đã thành tựu pháp xả ba-la-mật.
Đức Thế Tôn đã thành tựu pháp xả thượng ba-la-
mật. Đức Thế Tôn đã thành tựu pháp xả thắng
ba-la-mật.*

*11. Đức Thế Tôn đã thành tựu mười pháp ba-la-
mật. Đức Thế Tôn đã thành tựu mười pháp
thượng ba-la-mật. Đức Thế Tôn đã thành tựu
mười pháp thắng ba-la-mật*

*Các hành khởi vì duyên vô minh.
Thức khởi vì duyên hành.*

Viññāṇa paccayā nāma-rūpaṃ
Nāma-rūpa paccayā saḷ'āyatanaṃ
Saḷ'āyatana paccayā phasso
Phassa paccayā vedānā
Vedanā paccayā taṇhā
Taṇhā paccayā upādānaṃ
Upādāna paccayā bhavo
Bhava paccayā jāti
Jāti paccayā jarā-maraṇaṃ

Soka-parideva-dukkha-domanass'upāyāsā
sambhavanti.
Evam'etassa kevalassa dukkhakkhandhassa
samudayo hoti.

Avijjāya tv'eva asesa virāga nirodhā
Saṅkhāra nirodho saṅkhāra nirodhā
Viññāṇa nirodho viññāṇa nirodhā
Nāma-rūpa nirodho nāma-rūpa nirodhā
Saḷ'āyatana nirodho saḷ'āyatana nirodhā

*Danh sắc khởi vì duyên thức.
Lục nhập khởi vì duyên danh sắc.
Xúc khởi vì duyên lục nhập.
Thọ khởi vì duyên xúc.
Ái khởi vì duyên thọ.
Thủ khởi vì duyên ái.
Hữu khởi vì duyên thủ.
Sinh khởi vì duyên hữu.
Lão tử khởi vì duyên sinh.*

*Sâu, bi, khổ, ưu, não cùng khởi vì duyên sinh.
Toàn bộ khổ uẩn này đều tập khởi như vậy.*

*Các hành diệt là do hoàn toàn ly dục và diệt tận
vô minh.
Thức diệt do hành diệt.
Danh sắc diệt do thức diệt.
Lục nhập diệt do danh sắc diệt.*

Phassa nirodho phassa nirodhā
Vedanā nirodho vedanā nirodhā
Taṇhā nirodho taṇhā nirodhā
Upādāna nirodho upādāna nirodhā
Bhava nirodho bhava nirodhā
Jāti nirodho jāti nirodhā jarā-maraṇaṃ
Soka-parideva-dkkha-domanass'upāyāsā
nirujjhanti.

Evam'etassa kevalassa dukkha-kkhandhassa
nirodho hoti.

38. MÃU ĐỀ TAM (01:04:20-01:10:00) TIMĀTIKĀ

Kusalā dhammā
Akusalā dhammā
Abyākatā dhammā.

Sukhāya vedanāya sampayuttā dhammā

Xúc diệt do lục nhập diệt.

Thọ diệt do xúc diệt.

Ái diệt do thọ diệt

Thủ diệt do ái diệt.

Hữu diệt do thủ diệt.

Sinh diệt do hữu diệt.

Lão tử diệt do sinh diệt.

Sâu, bi, khổ, ưu, não cũng cùng diệt do sinh diệt.

Toàn bộ khổ uẩn này đều diệt tận như vậy.

Pháp thiện

Pháp bất thiện

Pháp vô ký.

Pháp tương ưng lạc thọ

Dukkhāya vedanāya sampayuttā dhammā
Adukkha-m-asukhāyavedanāya sampayuttā
dhammā.

*Pháp tương ưng khổ thọ
Pháp tương ưng vô khổ, vô lạc thọ.*

Vipākā dhammā
Vipāka-dhamma-dhammā
Neva-vipāka-na-vipāka-dhamma-dhammā.

*Pháp dị thực
Pháp nhân dị thực
Pháp phi dị thực, phi nhân dị thực.*

Upādinn'upādāniyā dhammā
An-upādinn'upādāniyā dhammā
An-upādinn'ān-upādāniyā dhammā.

*Pháp dĩ thủ sở thủ
Pháp phi dĩ thủ sở thủ
Pháp phi dĩ thủ phi sở thủ.*

Saṅkiliṭṭha-saṅkilesikā dhammā
Asaṅkiliṭṭha-saṅkilesikā dhammā
Asaṅkiliṭṭh'asaṅkilesikā dhammā.

*Pháp dĩ tạp nhiễm năng nhiễm
Pháp phi dĩ tạp nhiễm năng nhiễm
Pháp phi dĩ tạp nhiễm phi năng nhiễm.*

Savitakka-savicārā dhammā
Avitakka-vicāramattā dhammā
Avitakk'āvicārā dhammā.

*Pháp hữu tâm hữu tứ
Pháp vô tâm hữu tứ
Pháp vô tâm vô tứ.*

Pīti-sahagatā dhammā
Sukha-sahagatā dhammā
Upekkhā-sahagatā dhammā.

*Pháp câu hữu hỷ
Pháp câu hữu lạc
Pháp câu hữu xả.*

Dassanena pahātabbā dhammā
Bhāvanāya pahātabbā dhammā
Neva dassanena na bhavānāya pahātabbā
dhammā.

*Pháp tri kiến đoạn trừ
Pháp tu tập đoạn trừ
Pháp phi tri kiến, phi tu tập đoạn trừ.*

Dassanena pahātabbā hetukā dhammā
Bhāvanāya pahātabbā hetukā dhammā
Neva dassanena na bhavānāya pahātabbā
hetukā dhammā.

*Pháp hữu nhân do tri kiến đoạn trừ
Pháp hữu nhân do tu tập đoạn trừ
Pháp hữu nhân không do tri kiến lẫn tu tập đoạn
trừ.*

Ācaya-gāmino dhammā
Apacaya-gāmino dhammā
Nev'ācaya-gāmino n'āpacaya-gāmino
dhammā.

*Pháp tích tập
Pháp đoạn giảm
Pháp không tích tập không đoạn giảm.*

Sekkhā dhammā

Pháp hữu học

Asekkhā dhammā
Neva-sekkhā n'āsekkhā dhammā.

*Pháp vô học
Pháp phi hữu học phi vô học.*

Parittā dhammā
Mahaggatā dhammā
Appamānā dhammā.

*Pháp hy thiếu
Pháp đại hành
Pháp vô lượng.*

Paritt'ārammaṇā dhammā
Mahaggat'ārammaṇā dhammā
Appamān'ārammaṇā dhammā.

*Pháp có cảnh hy thiếu
Pháp có cảnh đại hành
Pháp có cảnh vô lượng.*

Hīnā dhammā
Majjhimā dhammā
Paṇītā dhammā.

*Pháp ty hạ
Pháp trung bình
Pháp thắng diệu.*

Micchatta-niyatā dhammā
Samatta-niyatā dhammā
Aniyatā dhammā.

*Pháp tà cố định
Pháp chánh cố định
Pháp bất định.*

Magg'ārammaṇā dhammā

Pháp có đạo là cảnh (sở duyên)

Magga-hetukā dhammā
Magg'ādhipatino dhammā.

*Pháp có đạo là nhân
Pháp có đạo là tăng thượng.*

Uppannā dhammā
An-uppannā dhammā
Uppātino dhammā.

*Pháp dĩ sinh
Pháp vị sinh
Pháp đương sinh.*

Atitā dhammā
Anāgatā dhammā
Paccuppannā dhammā.

*Pháp quá khứ
Pháp vị lai
Pháp hiện tại.*

Atit'ārammaṇā dhammā
Anāgat'ārammaṇā dhammā
Paccuppann'ārammaṇā dhammā.

*Pháp cảnh quá khứ
Pháp cảnh vị lai
Pháp cảnh hiện tại.*

Ajjhattā dhammā
Bahiddhā dhammā
Ajjhatta-bahiddhā dhammā.

*Pháp nội phần
Pháp ngoại phần
Pháp nội ngoại phần.*

Ajjhatt'ārammaṇā dhammā

Pháp cảnh nội phần

Bahiddh'ārammaṇā dhammā
Ajjhatta-bahiddh'ārammaṇā dhammā.

*Pháp cảnh ngoại phần
Pháp cảnh nội ngoại phần.*

Sa-nidassana-sa-ppatighā dhammā
A-nidassana-sa-ppatighā dhammā
Anidassan'appatighā dhammā.

*Pháp hữu kiến hữu đối
Pháp vô kiến hữu đối
Pháp vô kiến vô đối.*

Bāvīsati-tika-mātikā dhamma-saṅgani-
pakaraṇaṃ nāma samattaṃ.

Hai mươi hai mẫu đề tổng hợp toàn bộ danh pháp.

**39. KINH CHUYỂN PHÁP LUÂN (01:10:02-
01:20:32)**

DHAMMACAKKAPPAVATTANA SUTTA

(UYYOJANA GĀTHĀ)
Bhikkhūnaṃ pañcavaggīnaṃ,
Isipatananāmake
Migadāye Dhammavaraṃ, yaṃ taṃ
Nibbānapāpakaṃ
Sahampatināmakena, Mahābrahmena yācito

(KỆ KHAI KINH)
*Do vị Đại Phạm Thiên tên là Sahampati thỉnh
câu, Đức Phật đã thuyết pháp cao thượng, giảng
giải về Tứ Thánh Đế – pháp dẫn đến sự chứng
ngộ Niết-bàn. Đức Phật thuyết bài kinh này ở
Benares, tại vườn nai Isipatana cho nhóm năm tỳ*

Catusaccam pakāsento, lokanātho adesayi
Nanditam sabba devehi,
sabbasampattisādhakam
Maggaphalasukhatthāya, Dhammacakkam
bhanāma he!

1. Evaṃ me sutam - ekam samayaṃ Bhagavā
Bārāṇasiyaṃ viharati Isipatane migadāye.
Tatra kho Bhagavā pañcavaggiye bhikkhū
āmantesi.
Dve me bhikkhave antā pabbajitena na
sevitabbā. Katame dve?
Yo cāyaṃ kāmesu kāmasukhallikānuyogo,
hīno, gammo, pothujjaniko, anariyo,
anattasamhito.
Yo cāyaṃ attakilamathānuyogo dukkho,
anariyo, anattasamhito.
Ete kho bhikkhave ubho ante anupagamma
majjhimā paṭippadā Tathāgatena

*khuru. Tất cả Chư Thiên, Phạm Thiên vô cùng
hoan hỷ. Bài kinh này đem lại nhiều thành tựu
cho thế gian và siêu thế giới.*

*Kính bạch chư hiền giả, vì muốn đem lại lợi ích và
sự chứng ngộ đạo quả cho tất cả chúng sinh, nay
chúng tôi sẽ tụng bài kinh Chuyển Pháp Luân ấy.*

*1. Như vậy tôi nghe. Một thời Thế Tôn trú ở
Benares, tại vườn nai Isipatana. Tại đấy, Thế Tôn
bảo chúng năm tỳ khuru:*

*Có hai cực đoan này, này các tỳ khuru, một người
xuất gia không nên thực hành theo. Thế nào là
hai?*

*Một là đắm say trong các dục, hạ liệt, đê tiện,
phàm phu, không xứng bậc Thánh, không liên hệ
đến mục đích. Hai là tự hành khổ mình, khổ đau,
không xứng bậc Thánh, không liên hệ đến mục
đích.*

*Tránh xa hai cực đoan này, này các tỳ khuru, là
con đường Trung đạo, do Như Lai chánh giác, tác*

abhisambuddhā cakkhu-karaṇī ñāṇa-karaṇī
upasamāya abhiññāya sambodhāya
nibbānāya saṃvattati.

2. Katamā ca sā bhikkhave majjhimā paṭipadā
Tathāgatena abhisambuddhā cakkhu-karaṇī
ñāṇa-karaṇī upasamāya abhiññāya
sambodhāya nibbānāya saṃvattati?
Ayameva ariyo aṭṭhaṅgiko maggo.
Seyyathidaṃ? Sammāditṭhi, ammasaṅkappo,
sammāvācā, sammākammanto, sammā-ājīvo,
sammāvāyāmo, sammāsati, sammāsamādhi.
Ayaṃ kho sā bhikkhave majjhimā paṭipadā
Tathāgatena abhisambuddhā cakkhu-karaṇī
ñāṇa-karaṇī upasamāya abhiññāya
sambodhāya nibbānāya saṃvattati.

3. Idaṃ kho pana bhikkhave dukkhaṃ
ariyasaccaṃ, jātipi dukkhā, jarāpi dukkhā,
byādhipi dukkhā, maraṇampi dukkhaṃ,

*thành mắt, tác thành trí, đưa đến an tịnh, thắng
trí, giác ngộ, Niết-bàn.*

*2. Và thế nào là con đường Trung đạo, này các tỳ
khuu, do Như Lai chánh giác, tác thành mắt, tác
thành trí, đưa đến an tịnh, thắng trí, giác ngộ,
Niết-bàn? Chính là con đường Thánh đạo Tám
ngành, tức là: chánh kiến, chánh tư duy, chánh
ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn,
chánh niệm, chánh định. Đây là con đường trung
đạo, này các tỳ khuu, do Như Lai chánh giác, tác
thành mắt, tác thành trí, đưa đến an tịnh, thắng
trí, giác ngộ, Niết-bàn.*

*3. Đây là Thánh đế về Khổ, này các tỳ khuu.
Sinh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ,
sầu, bi, khổ, ưu, não là khổ, oán gặp nhau là khổ,*

appiyehi sampayogo dukkho, piyehi
vippayogo dukkho, yaṃ picchaṃ na labhati
taṃ pi dukkhaṃ, saṅkhittena
pañcupādānakkhandhā pi dukkhā.

4. Idaṃ kho pana bhikkhave
dukkhasamudayaṃ ariyasaccaṃ, yāyaṃ
taṇhā ponobbhavikā nandirāga-sahagatā
tatra tar'ābhinandinī. Seyyathidaṃ,
kāmatāṇhā, bhavataṇhā, vibhavataṇhā.

5. Idaṃ kho pana bhikkhave
dukkhanirodhaṃ ariyasaccaṃ, yo tassāyeva
taṇhāya asesavirāga-nirodho cāgo
paṭinissaggo mutti anālayo.

6. Idaṃ kho pana bhikkhave dukkha
nirodhagāminī paṭipadā ariyasaccaṃ.
Ayameva ariyo aṭṭhaṅgiko maggo.
Seyyathidaṃ, sammādiṭṭhi, sammāsaṅkappo,

*ái biệt ly là khổ, cầu không được là khổ. Tóm lại,
năm thủ uẩn là khổ.*

*4. Đây là Thánh đế về Khổ tập, này các tỳ khưu,
chính là ái này đưa đến tái sinh, cầu hữu với hỷ
và tham, tìm cầu hỷ lạc chỗ này chỗ kia. Tức là
dục ái, hữu ái, phi hữu ái.*

*5. Đây là Thánh đế về Khổ diệt, này các tỳ khưu,
chính là ly tham, đoạn diệt, không có dư tàn khát
ái ấy, sự quăng bỏ, từ bỏ, giải thoát, không có
chấp trước.*

*6. Đây là Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ
diệt, này các tỳ khưu, chính là con đường Thánh
đạo Tám ngành, tức là chánh kiến, chánh tư duy,*

sammāvācā, sammākammanto, sammā-ājīvo,
sammāvāyāmo, sammāsati, sammāsamādhi.

7. Idam dukkham ariyasaccan'ti me
bhikkhave pubbe ananussutesu dhammesu
cakkhum. udapādi, ñāṇam udapādi, paññā
udapādi, vijjā udapādi, āloko udapādi.
Tam kho paṇ'idam dukkham ariyasaccam
pariññeyyan'ti me bhikkhave pubbe
ananussutesu dhammesu cakkhum udapādi,
ñāṇam udapādi, paññā udapādi, vijjā
udapādi, āloko udapādi.
Tam kho paṇ'idam dukkham ariyasaccam
pariññātan'ti me bhikkhave pubbe
ananussutesu dhammesu cakkhum udapādi,
ñāṇam udapādi, paññā udapādi, vijjā
udapādi, āloko udapādi.

8. Idam dukkhasamudayaṃ ariyasaccan' ti
me bhikkhave pubbe ananussutesu

*chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh
tinh tấn, chánh niệm, chánh định.*

*7. Đây là Thánh đế về Khổ, này các tỳ khưu, đối
với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe,
nhãn sinh, trí sinh, tuệ sinh, minh sinh, quang
sinh. Đây là Thánh đế về Khổ cần phải liễu tri,
này các tỳ khưu, đối với các pháp, từ trước Ta
chưa từng nghe, nhãn sinh, trí sinh, tuệ sinh,
minh sinh, quang sinh. Đây là Thánh đế về Khổ
đã được liễu tri, này các tỳ khưu, đối với các pháp
từ trước Ta chưa từng được nghe, nhãn sinh, trí
sinh, tuệ sinh, minh sinh, quang sinh.*

*8. Đây là Thánh đế về Khổ tập, này các tỳ khưu,
đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe,*

dhammesu cakkhum udapādi, ñāṇaṃ udapādi, paññā udapādi, vijjā udapādi, āloko udapādi.

Taṃ kho paṇ'idaṃ dukkhasamudayaṃ ariyasaccaṃ pahātabban'ti me bhikkhave pubbe ananussutesu dhammesu cakkhum udapādi, ñāṇaṃ udapādi, paññā udapādi, vijjā udapādi, āloko udapādi.

Taṃ kho paṇ'idaṃ dukkhasamudayaṃ ariyasaccaṃ pahīnan'ti me bhikkhave pubbe ananusstesu dhammesu cakkhum udapādi, ñāṇaṃ udapādi, paññā udapādi, vijjā udapādi, āloko udapādi.

9. Idaṃ dukkhanirodhaṃ ariyasaccan'ti me bhikkhave pubbe ananussutesu dhammesu cakkhum udapādi, ñāṇaṃ udapādi, paññā udapādi, vijjā udapādi, āloko udapādi.

Taṃ kho paṇ'idaṃ dukkhanirodhaṃ ariyasaccaṃ sacchikātabban'ti me bhikkhave

nhān sinh, trí sinh, tuệ sinh, minh sinh, quang sinh. Đây là Thánh đế về Khổ tập cần phải đoạn tận, này các tỳ khưu, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhān sinh, trí sinh, tuệ sinh, minh sinh, quang sinh. Đây là Thánh đế về Khổ tập đã được đoạn tận, này các tỳ khưu, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhān sinh, trí sinh, tuệ sinh, minh sinh, quang sinh.

9. Đây là Thánh đế về Khổ diệt, này các tỳ khưu, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhān sinh, trí sinh, tuệ sinh, minh sinh, quang sinh. Đây là Thánh đế về Khổ diệt cần phải chứng ngộ, này các tỳ khưu, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhān sinh, trí sinh, tuệ

pubbe ananussutesu dhammesu cakkhuṃ udapādi, ñāṇaṃ udapādi, paññā udapādi, vijjā udapādi, āloko udapādi.

Taṃ kho paṇ'idaṃ dukkhanirodhaṃ ariyasaccaṃ sacchikātaṃ'ti me bhikkhave pubbe ananussutesu dhammesu cakkhuṃ udapādi, ñāṇaṃ udapādi, paññā udapādi, vijjā udapādi, āloko udapādi.

10. Idaṃ dukkhanirodhagāminī paṭipadā ariyasaccaṃ'ti me bhikkhave pubbe ananussutesu dhammesu cakkhuṃ udapādi, ñāṇaṃ udapādi, paññā udapādi, vijjā udapādi, āloko udapādi.

Taṃ kho paṇ'idaṃ dukkhanirodhagāminī paṭipadā ariyasaccaṃ bhāvetabbaṃ'ti me bhikkhave pubbe ananussutesu dhammesu cakkhuṃ udapādi, ñāṇaṃ udapādi, paññā udapādi, vijjā udapādi, āloko udapādi.

sinh, minh sinh, quang sinh. Đây là Thánh đế về Khổ diệt đã được chứng ngộ, này các tỳ khuru, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhãn sinh, trí sinh, tuệ sinh, minh sinh, quang sinh.

10. Đây là Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt, này các tỳ khuru, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhãn sinh, trí sinh, tuệ sinh, minh sinh, quang sinh. Đây là Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt cần phải tu tập, này các tỳ khuru, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng

Taṃ kho paṇ'idaṃ dukkhanirodhagāminī
paṭipadā ariyasaccaṃ bhāvitā'ti me
bhikkhave pubbe ananussutesu dhammesu
cakkhuṃ udapādi, ñāṇaṃ udapādi, paṇṇā
udapādi, vijjā udapādi, āloko udapādi.

11. Yāvakīvaṅca me bhikkhave imesu catūsu
ariyasaccesu evaṃ Tiparivattaṃ
dvādasākāraṃ yathābhūtaṃ ñāṇadassanaṃ
na suvisuddhaṃ ahosi, neva tāv'āhaṃ
bhikkhave sadevake loke samārake
sabrahmade sassamaṇabrahmaniya pajāya
devamanussāya “anuttanaṃ sammā-
sambodhiṃ abhisambuddho” ti paccaññāsim.

12. Yato ca kho me bhikkhave imesu catūsu
ariyasaccesu evaṃ Tiparivattaṃ
dvādasākāraṃ yathābhūtaṃ ñāṇadassanaṃ
suvisuddhaṃ ahosi, ath'āhaṃ bhikkhave

*được nghe, nhãn sinh, trí sinh, tuệ sinh, minh
sinh, quang sinh.*

*11. Cho đến khi nào, này các tỳ khưu, trong bốn
Thánh đế này, với ba chuyển và mười hai hành
tướng như vậy, trí kiến như thật không khéo
thanh tịnh ở nơi Ta; thời này các tỳ khưu, cho
đến khi ấy, trong thế giới này với Thiên giới, Ma
giới, Phạm thiên giới, với quân chúng Sa-môn,
Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, Ta không
chứng tri đã chánh giác vô thượng Chánh Đẳng
Giác.*

*12. Và cho đến khi nào, này các tỳ khưu, trong
bốn Thánh đế này, với ba chuyển và mười hai
hành tướng như vậy, trí kiến như thật đã được
khéo thanh tịnh ở nơi Ta; cho đến khi ấy, này các*

sadevake loke samārake sabrahmake
sassamaṇabrahmaṇiyā pajāya
devamanussāya “anuttaraṃ sammā
sambodhiṃ abhisambuddho” ti paccaññāsiṃ.
Ñāṇaṇca pana me dassanaṃ udapādi
“akuppā me vimutti, ayam'antimā jāti,
natthi'dāni punabbhavoti”.

13. Idam'avoca Bhagavā attamanā
pañcavaggiyā bhikkhū Bhagavato bhāsitaṃ
abhinandun'ti.
Imasmiṅca pana veyyākaraṇasmim
bhaññamāne āyasmato Koṇḍaññaassa virajaṃ
vītamalaṃ dhammacakkhuṃ udapādi “yaṃ
kiñci samudayadhammaṃ sabbantaṃ
nirodhadhammaṃ” ti.

14. Pavattite ca pana Bhagavatā
dhammacakke bhummā devā
saddamanussāvesuṃ “etaṃ Bhagavatā

tỳ khuru, trong thế giới này với Thiên giới, Ma
giới, Phạm thiên giới, với quân chúng Sa-môn,
Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, Ta mới
chúng tri đã chánh giác vô thượng Chánh Đẳng
Giác. Tri kiến khởi lên nơi Ta: “Bất động là tâm
giải thoát của Ta. Đây là đời sống cuối cùng, nay
không còn tái sinh nữa”.

13. Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Chúng năm
Tỳ-kheo hoan hỷ, tín thọ lời Phật dạy. Trong khi
lời dạy này được tuyên bố, Tôn giả Kondanna
khởi lên pháp nhãn thanh tịnh, không cấu uế như
sau: “Phàm vật gì được tập khởi, tất cả pháp ấy
cũng bị đoạn diệt”.

14. Và khi Pháp luân này được Thế Tôn chuyển
vận như vậy, chư Thiên cõi đất này lớn tiếng nói
lên: “Nay vô thượng Pháp luân này được Thế

Bārāṇasiyaṃ Isipatane migadāye anuttaraṃ
dhammacakkaṃ pavattitaṃ appaṭivattiyaṃ
samaṇena vā brahmaṇena vā devena vā
mārena vā brahmuna vā kenaci vā
lokasmin'ti."

Bhummānaṃ devānaṃ saddaṃ sutvā cātu-
mahārājikā devā saddamanussāvesuṃ ...
Cātumahārājikānaṃ devānaṃ saddaṃ sutvā
Tāvatiṃsā devā ... Yāmā devā ... Tusitā devā
... Nimmānaratī devā ... Paranimmitavasa-
vattī devā ... Brahmakāyikā devā sadda-
manussāvesuṃ: "etaṃ bhagavatā bārāṇasi-
yaṃ isipatane migadāye anuttaraṃ dhamma-
cakkaṃ pavattitaṃ appaṭivattiyaṃ samaṇena
vā brāhmaṇena vā devena vā mārena vā
brahmunā vā kenaci vā lokasmin'ti.

Itiha tena khaṇena tena layena tena
muhuttena yāva brahmalokā saddo

*Tôn ở Benares, tại vườn nai Isipatana, chuyển
vận một Pháp luân chưa từng được ai chuyển
vận, Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma vương,
Phạm thiên, hay bất cứ một ai ở đời".*

*Sau khi được nghe tiếng của chư Thiên ở Tứ đại
Thiên vương thiên, thời chư Thiên ở cõi trời Ba
mươi ba... chư Thiên Yāmā... chư Thiên Tusitā...
chư Hóa lạc thiên... chư Tha hóa tự tại thiên...
chư Thiên ở Phạm thiên giới lớn tiếng nói lên:
"Nay vô thượng Pháp luân này được Thế Tôn ở
Benares, tại vườn nai Isipatana, chuyển vận một
Pháp luân chưa từng được ai chuyển vận, Sa-
môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma vương, Phạm
thiên, hay bất cứ một ai ở đời".*

*Như vậy, trong sát-na ấy, trong khoảnh khắc ấy,
trong giây phút ấy, tiếng ấy lên đến Phạm thiên*

abbuggacchi ayañca dasasahassī lokadhātu
saṅkampi sampakampi sampavedhi.
Appamaṇo ca uḷāro obhāso loke Pāturahosi
atikkamma devānaṃ devanubhāvanti.

Atha kho Bhagavā imaṃ udānaṃ udānesi
“Aññāsi vata bho Koṇḍañña, aññāsi vata bho
Koṇḍañña” ti.

Iti hidamaṃ āyasmato Koṇḍaññassa “Aññāsi
Koṇḍañña' tveva nāmaṃ ahoṣī” ti.

15. Atha kho āyasmā Aññāsi Koṇḍañña
ditṭha-dhammo patta-dhammo vidita-
dhammo pariyogha-dhammo tiṇṇa-
vicikiccho vigata kathaṃ katho vesārajapatto
aparapaccayo satthu sāsane Bhagavantaṃ
etadavoca: “Labhey’āhaṃ bhante Bhagavato
santike pabbajjaṃ, labheyyaṃ
upasampadan” ti.

*giới. Và mười ngàn thế giới chuyển động, rung
động, chuyển động mạnh. Và một hào quang vô
lượng, quang đại phát chiếu ra ở đời, vượt quá uy
lực chư Thiên.*

*Rồi Thế Tôn thốt lên lời cảm hứng sau đây: "Chắc
chắn đã giác hiểu là Koṇḍañña (Kiều-trần-như)!
Chắc chắn đã giác hiểu là Koṇḍañña!"*

*Như vậy Tôn giả Koṇḍañña được tên là Aññāsi
Koṇḍañña (A-nhã Kiều-trần-như).*

*15. Sau đó, khi đã thấy được Pháp, đã thành tựu
được Pháp, đã hiểu được Pháp, đã thấm nhuần
Pháp, hoài nghi đã không còn, sự lưỡng lự đã dứt
hẳn, đã thành tựu niềm tin vào Giáo Pháp của
bậc Đạo Sư, không còn cần sự trợ duyên của
người khác, đại đức Aññāsi Koṇḍañña bạch đức
Thế Tôn rằng: “Bach Thế Tôn, xin cho con xuất
gia trong sự hiện diện của Ngài”*

“Ehi bhikkhū” ti Bhagavā avoca “Svākkhāto dhammo cara brahmacariya sammā dukkhassa antakiriya” ti sāva tassa āyasmato upasampadā ahoṣi.

Dhammacakkappavattanasuttaṃ nitthitaṃ.

40. KỆ BỐ CÁO CHO THÍ CHỦ HOAN HỖ (01:20:35-01: 21:56) ANUMODANĀRAMBHA GĀTHĀ

Yathā vārivāhā pūrā
Paripūrenti sāgaram
Evam’eva ito dinnam
Petānam upakappati
Icchitam patthitam tumham
Khippam’eva samijjhatu
Sabbe pūrentu saṅkappā
Cando paṇṇaraso yathā

Đức Thế Tôn nói rằng: “Này tỳ khưu, hãy đến đây. Pháp đã được khéo thuyết giảng, hãy thực hành Phạm hạnh một cách đúng đắn để chấm dứt khổ đau.” Chính lời này là sự xuất gia của đại đức ấy.

Chấm dứt bài kinh Chuyển Pháp Luân.

Các con đường nước đầy đủ, nhưt là sông và rạch làm cho biển được đầy đủ, cũng như sự bố thí mà thí chủ đã làm trong lúc hiện tại đây, cầu xin cho đặng kết quả đến những người đã quá vãng. Cầu xin các quả lành mà người đã mong mỏi, cho được mau thành tựu kịp thời đến người. Cầu xin những sự suy xét chân chánh cho được tròn đủ đến người, như trăng trong ngày Rằm. (Bằng chẳng

Maṇi-joti-raso yathā.

(SĀMAÑÑĀNUMODANĀ GĀTHĀ)

Sabb'ītiyo vivajjantu

Sabba rogo vinassatu

Mā te bhavatv'antarāyo

Sukhī dīgh'āyuko bhava

Abhivādana-sīlissa

Niccamaṃ vuddh'āpacāyino

Cattāro dhammā vaḍḍhanti

Āyu, vaṇṇo, sukhaṃ, balaṃ.

vậy) cũng như ngọc Ma-ni chiếu sáng rõ ràng, là ngọc quý báu, có thể làm cho tất cả sự ước ao của người đều được như nguyện.

Cầu xin cho tất cả sự rủi ro của người đều được xa lánh. Cầu xin cho tất cả tật bệnh của người đều được dứt khỏi. Sự tai hại cũng chẳng có đến cho người. Cầu xin cho người được sự an vui trường thọ. Cả bốn Pháp chúc mừng là: Sống lâu, Sắc đẹp, An vui, Sức mạnh, hằng thêm đến người, là người năng nghiêng mình lễ bái, cúng dường đến Tam Bảo và có lòng tôn kính các bậc tu hành tinh tấn, nhưt là bậc tri giới, và bậc Trưởng lão.

41. KỆ ĐIỂM LÀNH VŨ TRỤ (01:22:00-
01:24:13)

CULLA MAṄGALACAKKAVĀḬA

Sabbabuddh'ānubhāvena,
Sabbadhamm'ānubhāvena,
Sabbasaṅgh'ānubhāvena,
Buddharatanam, Dhammaratanam,
Saṅgharatanam, Tiṇṇam ratanānam
ānubhāvena,
Caturāsīti-sahassa
Dhammakkhandh'ānubhāvena
Piṭakattay'ānubhāvena,
Jinasāvaka'ānubhāvena
Sabbe te rogā, sabbe te bhayā, sabbe te
antarāyā
Sabbe te upaddavā, sabbe te dunnimittā,
Sabbe te avamaṅgalā vinassantu.

*Do nhờ đức của chư Phật, do nhờ đức của chư
Pháp, do nhờ đức của Chư Tăng, do nhờ đức của
Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo, do nhờ đức của 8
vạn 4 ngàn pháp uẩn, do nhờ đức của Tam tạng,
do nhờ đức của chư Thinh Văn đệ tử Phật,*

Tất cả các tật bệnh của người.

Tất cả sự lo sợ của người.

Tất cả sự tai hại của người.

Tất cả sự khó chịu của người.

Tất cả điều mộng mị xấu xa của người.

Tất cả điều chướng lành của người.

Cầu xin cho được tiêu diệt.

Āyu-vaḍḍhako, dhana-vaḍḍhako, siri-vaḍḍhako, yasa vaḍḍhako, bala-vaḍḍhako, vaṇṇa-vaḍḍhako, sukha-vaḍḍhako, hotu sabbadā.

Dukkha-roga-bhayā-verā-sokā-sattu c'upaddavā, anekā antarāyā'pi vinassantu ca tejasā.

Jaya, siddhi, dhanam, lābham, sotthi, bhāgyam, sukham, balam, siri, āyu ca vaṇṇo ca bhogam, vuddhī ca yasavā, satavassā ca āyu ca jīvasiddhī bhavantu te.

Sự sống lâu, sự tấn tài, sự thanh lợi, sự sang cả, sự mạnh khỏe, sự sắc đẹp, sự an vui. Cầu xin hàng đến cho người.

Tất cả sự khổ não, tật bệnh, lo sợ hoặc điều oan kết. Hoặc tất cả sự uất ức, các cảnh nghịch hoặc sự khó chịu. Hoặc nhiều sự tai hại. Cầu xin cho được tiêu diệt.

Sự vinh hiển, sự phát tài, sự phát lợi. Hoặc sự thanh lợi phong lưu, sự an vui hoặc sức mạnh. Sự phước lợi, sự sống lâu, sự sắc đẹp. Sự tấn tài, sự tấn hóa, sự sang cả. Hoặc sự sống đến trăm tuổi, hoặc sự thành tựu trong việc nuôi mạng cho được an vui. Tất cả sự ấy, cầu xin hàng đến cho người.

42. KỆ HỒI HƯỚNG QUẢ BÁO ĐẾN
NGẠ QUÝ (01:24:15-01:25:29)
TIROKUDDAKAṆḌA GĀTHĀ

1. Adāsi me akāsi me
Ñāti mittā sakhā ca me
Petānaṃ dakkhiṇaṃ dajjā
Pubbe katamaṅ'anusaraṃ.

2. Na hi runnaṃ vā soka vā
Yāvaṅ'āñña paridevaṇā
Na taṃ petānaṃ'atthāya
Evaṃ tiṭṭhanti ñātayo.

3. Ayañca kho dakkhiṇā dinnā.
Saṅghamhi supatiṭṭhitā
Dīgharattaṃ hitāyassa
Thānaso upakappati.

Khi người ta tưởng thấy ơn nghĩa mà ân nhân đã làm. Dành để cho người trong lúc trước, người này có bố thí vật này đến ta. Các người ấy đều là quyến thuộc của ta, nên cho Dakkhinā-dāna đến các Ngạ qui ấy.

Sự uất ức thương tiếc trong sự sinh tử biệt ly, đều chẳng có lợi ích chi. Làm như thế chẳng có sự lợi ích đến các Ngạ qui. Các Ngạ qui chẳng được biết, chẳng được nghe.

Nếu Dakkhinā-dāna, mà người đã được làm rồi. Là được bố thí theo lẽ chánh đến Chư Tăng. (Dakkhinā-dāna ấy) mới được kết quả do theo duyên có, tức là được sự lợi ích lâu dài đến các Ngạ qui.

4. So ñāti-dhammo ca ayaṃ nidassito
Petāna-pūjā ca katā uḷārā.

Quyển thuộc ấy là người đã hành đúng theo Pháp rồi. Sự cúng dường trọng thể và hồi hướng đến các Ngạ quỷ, người cũng đã làm rồi.

5. Balañca bhikkhūnam'anuppa-dinnaṃ
Tumhehi puññaṃ pasutaṃ anuppakan'ti.

Sức lực các Thầy Tỳ khưu, người cũng đã bố thí rồi. Hạnh phúc mà người đã sẵn dành như thế chẳng phải là ít.

43. KÊ CHỨC PHÚC (01:25:31-01:26:25)

1. Bhavatu sabba maṅgalaṃ
Rakkhantu sabba devatā
Sabba Buddh'ānubhāvena
Sadā sotthi bhavantu te.

1. Tất cả hạnh phúc hằng có đến người. Cầu xin Chư Thiên hộ trì đến người. Do nhờ oai đức của Chư Phật. Các sự thanh lợi thường thường đến người.

2. Bhavatu sabba maṅgalaṃ
Rakkhantu sabba devatā
Sabba Dhamm'ānubhāvena
Sadā sotthi bhavantu te.

2. Tất cả hạnh phúc hằng có đến người. Cầu xin Chư Thiên hộ trì đến người. Do nhờ oai đức của Giáo Pháp. Các sự thanh lợi thường thường đến người.

3. Bhavatu sabba maṅgalam
Rakkhantu sabba devatā
Sabba Saṅgh'ānubhāvena
Sadā sotthi bhavantu te.

*3. Tất cả hạnh phúc hằng có đến người. Cầu xin
Chư Thiên hộ trì đến người. Do nhờ oai đức của
Chư Tăng. Các sự thanh lợi thường thường đến
người.*



Pháp thí thắng mọi thí
Sabbadānaṃ dhammadānaṃ jināti

**SÁCH ẨM TỔNG
KHÔNG BÁN**